



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

12

Tháng 6 - 2014

HỘI NGHỊ THƯỜNG NIÊN NĂM 2014 CỦA DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2014



Chủ tịch VUF - Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Chủ tịch, đồng Chủ tịch và các thành viên Ban điều phối VUF chụp ảnh lưu niệm

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM

12
SỐ 12 - 6/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định 5 chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định 8 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 13 Long An ban hành quy định về bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo “Quản lý và sử dụng amiăng trắng trong sản xuất tấm lợp ở Việt Nam” 16
- Nghiệm thu đề tài cấp Bộ của Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị 17
- Tọa đàm về các vấn đề khoa học, công nghệ xây dựng công trình dân dụng và quốc phòng ở vùng biển đảo 19
- Chất thải công nghiệp - nguồn nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng 20
- Phế thải gỗ làm khối bê tông bột gỗ xây tường 24
- Trung Quốc phát triển vật liệu xây dựng xanh WPC (gỗ nhựa) 26

Thông tin

- Hội nghị thường niên năm 2014 của Diễn đàn Đô thị Việt Nam 29
- Lễ Vận hành dây chuyền xử lý tro xỉ đầu tiên do Việt Nam sản xuất 30
- Hiện trạng và triển vọng phát triển ngành công nghiệp xi măng Nga 32
- Thành phố Thành Đô thí điểm biến rác thải xây dựng thành sản phẩm hữu ích trong xây dựng 37
- Những vấn đề trong việc đấu thầu dự án xây dựng có vốn đầu tư của nhà nước 40
- Vấn đề Thị dân hóa cho lao động nhập cư trong ngành xây dựng Trung Quốc 42
- Các yếu tố và sách lược trong quản lý rủi ro hạng mục thi công 44
- Thực trạng và triển vọng phát triển công trình xanh đô thị tại Trung Quốc 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Ngày 15/5/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Theo Nghị định này, trường hợp sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng. Trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất. Trường hợp thửa đất đang sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau (không phải là đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất) thì việc xác định loại đất được thực hiện theo quy định sau đây: Trường hợp xác định được ranh giới sử dụng giữa các mục đích sử dụng thì tách thửa đất theo từng mục đích và xác định mục đích theo hiện trạng sử dụng của từng thửa đất đó; trường hợp không xác định được ranh giới sử dụng giữa các mục đích thì mục đích sử dụng đất chính được xác định theo loại đất hiện trạng có mức giá cao nhất trong bảng giá do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định; trường hợp sử dụng đất sau khi có quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất để xác định mục đích chính. Trường hợp đất có nhà chung cư có mục đích hỗn hợp được xây dựng trước ngày 01/7/2014, trong đó có một phần diện tích sàn nhà chung cư được sử dụng làm văn phòng, cơ sở thương mại, dịch vụ thì mục đích sử dụng chính của phần diện tích đất xây dựng nhà chung cư được xác định là đất ở.

Cũng theo Nghị định này, chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất theo

loại đất do quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất do cấp tỉnh xác định. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất do cấp tỉnh xác định gồm đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, đất xây dựng cơ sở ngoại giao, đất cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất phát triển hạ tầng cấp tỉnh, đất cơ sở tôn giáo, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng gồm khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư nông thôn. Trường hợp cần thiết mà phải thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp thông qua, chỉ đạo cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện.

UBND cấp tỉnh và cấp huyện có trách nhiệm rà soát quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt. UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng

phòng hộ đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trường hợp đến thời điểm kết thúc kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cùng cấp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo được phê duyệt nhưng trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ quy hoạch sử dụng đất.

Việc sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thông qua hình thức mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đảm bảo các nguyên tắc sau: Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được phê duyệt và công bố; trên địa bàn không còn quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phù hợp, trừ trường hợp các dự án thuộc lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư. Trường hợp chủ đầu tư thực hiện phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà phải chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được thực hiện sau khi UBND cấp có thẩm quyền có văn bản cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho phép điều chỉnh thời hạn sử dụng đất cho phù hợp với việc sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh. Trường hợp diện tích đất thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh có phần diện tích đất mà người đang sử dụng đất không có quyền chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì chủ đầu tư được phép thỏa thuận mua tài sản gắn liền với đất của người đang sử dụng đất, Nhà nước thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho chủ đầu tư thuê đất để thực hiện dự án. Nội dung hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất phải thể hiện rõ người bán tài sản tự nguyện trả lại đất để Nhà nước thu hồi đất và cho người mua tài sản thuê đất.

Nghị định này quy định chi tiết về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai; cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014; cho hộ gia đình, cá nhân đã được giao không đúng thẩm quyền; cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở; cho tổ chức trong nước đang sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định tại Điều 46 của Nghị định này; đối với đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu sản xuất kinh doanh có nhiều mục đích sử dụng đất khác nhau; đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đối với đất do cơ sở tôn giáo đang sử dụng; đối với trường hợp đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu; đối với trường hợp khu đất của một người sử dụng nằm trên nhiều đơn vị hành chính.

Chủ sở hữu nhà ở thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở và có giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp về nhà ở thì được chứng nhận quyền sở hữu theo quy định sau đây: Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ: Giấy phép xây dựng nhà ở đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hóa giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05/7/1994; giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội hóa XI về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991, Nghị

quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau: Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở; một trong các giấy tờ của bên chuyển quyền. Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài phải có giấy tờ theo quy định sau: Trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở để kinh doanh thì phải có một trong những giấy tờ về dự án phát triển nhà ở để kinh doanh; trường hợp mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có giấy tờ về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở; trường hợp nhà ở đã xây dựng không phù hợp với giấy tờ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy tờ không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp chủ sở hữu nhà ở không đồng thời là người sử dụng đất ở thì ngoài giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu nhà ở theo quy định, phải có hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người

sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Theo Nghị định này, đất xây dựng nhà chung cư, nhà chung cư có mục đích hỗn hợp để ở và làm văn phòng, cơ sở thương mại, dịch vụ bao gồm đất xây dựng khối nhà chung cư, đất làm sân, trồng hoa, cây xanh xung quanh nhà chung cư, đất xây dựng các công trình hạ tầng. Chủ đầu tư dự án xây dựng nhà chung cư được giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất thuộc dự án theo quy định sau đây: Đối với diện tích đất xây dựng nhà chung cư và đất xây dựng công trình hạ tầng do chủ đầu tư sử dụng để kinh doanh theo dự án đầu tư và quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối với diện tích đất làm đường giao thông, các công trình hạ tầng khác phục vụ cho người dân ở cả trong và ngoài nhà chung cư mà chủ đầu tư không sử dụng để kinh doanh dịch vụ theo dự án đầu tư thì chủ đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để quản lý, xây dựng công trình và không phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; bàn giao cho địa phương quản lý đối với diện tích đất đó sau khi đã hoàn thành xây dựng theo dự án đầu tư, quy hoạch xây dựng chi tiết và quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền.

Quyền sử dụng đất và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong các dự án xây dựng nhà chung cư để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được thực hiện theo quy định sau

đây: Diện tích đất thuộc quyền sử dụng chung của các chủ sở hữu căn hộ chung cư, văn phòng làm việc, cơ sở thương mại, dịch vụ trong nhà chung cư bao gồm diện tích đất xây dựng khối nhà chung cư, làm sân, trồng hoa, cây xanh xung quanh nhà và đất xây dựng các công trình hạ tầng bên ngoài nhà chung cư nhưng để phục vụ trực tiếp cho nhà chung cư được chủ đầu tư bàn giao cho các chủ sở hữu căn hộ tự tổ chức quản lý, sử dụng theo dự án đầu tư. Quyền sử dụng đất này là quyền sử dụng chung theo phần không thể phân chia. Tỷ lệ phần quyền sử dụng đất được tính bằng tỷ lệ diện tích căn hộ chia cho tổng diện tích sàn của các căn hộ trong nhà chung cư. Việc sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất khu chung cư do đa số người chiếm tỷ lệ phần quyền sử dụng đất quyết định nhưng phải phục vụ lợi

ích chung của cộng đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Chủ sở hữu căn hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất sử dụng chung theo thời hạn ổn định lâu dài; diện tích căn hộ được xác định theo hợp đồng mua bán căn hộ. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người mua căn hộ thì Giấy chứng nhận đã cấp cho chủ đầu tư phải được chỉnh lý biến động để chuyển sang hình thức sử dụng đất chung đối với phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng chung.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Ngày 15/5/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Nghị định này, đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là các trường hợp quy định tại Điều 76 của Luật Đất đai. Việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp vượt hạn mức do nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 77 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 do được thừa kế, tặng cho, nhận

chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người khác theo quy định của pháp luật mà đủ điều kiện được bồi thường thì được bồi thường, hỗ trợ theo diện tích thực tế mà Nhà nước thu hồi. Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nêu trên nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai thì chỉ được bồi thường đối với diện tích đất trong hạn mức giao đất nông nghiệp. Đối với phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp thì không được bồi thường về đất nhưng được xem xét hỗ trợ theo quy định. Thời hạn sử dụng đất để tính bồi thường đối với đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng có nguồn gốc được Nhà nước giao đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền

sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, được áp dụng như đối với trường hợp đất được Nhà nước giao sử dụng ổn định lâu dài.

Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo quy định tại Khoản 3 Điều 78 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: Đối với đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/7/2004 có nguồn gốc không phải là đất do được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, đất do được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 và Điều 102 của Luật Đất đai thì được bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai. Đối với đất nông nghiệp sử dụng có nguồn gốc do được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại để tính bồi thường thực hiện theo quy định. Trường hợp thu hồi toàn bộ hoặc một phần diện tích mà diện tích đất còn lại không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng, nếu cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo còn có nhu cầu sử dụng đất vào mục đích chung của cộng đồng, cơ sở tôn giáo thì được Nhà nước giao đất mới tại nơi khác; việc giao đất mới tại nơi khác phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau: Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư; trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở. Trường hợp hộ gia đình theo quy định nêu trên mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì UBND cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này mà không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở tái định cư thì được Nhà nước bồi thường bằng tiền. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do UBND cấp tỉnh quy định.

Trường hợp trong thửa đất ở thu hồi còn diện tích đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở thì hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi được chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất đó sang đất ở trong hạn mức giao đất ở tại địa phương, nếu hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu và việc chuyển mục đích sang đất ở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hộ gia đình, cá nhân khi chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì việc bồi thường thực hiện theo quy định sau: Trường hợp thu hồi một phần diện tích đất của dự án mà phần còn lại vẫn đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án thì được bồi thường bằng tiền đối với phần diện tích đất thu hồi; trường hợp thu hồi toàn bộ diện tích đất hoặc thu hồi một phần diện tích đất của dự án mà phần còn lại không đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án thì được bồi thường bằng đất để thực hiện dự án hoặc bồi thường bằng tiền; đối với dự án đã đưa vào kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng tiền.

Việc bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi

đất quy định tại Khoản 2 Điều 89 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: Mức bồi thường nhà, công trình bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại và khoản tiền tính bằng tỉ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình đó. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được thì bồi thường cho toàn bộ nhà, công trình; trường hợp nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì UBND cấp tỉnh quy định mức bồi thường cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì việc xác định mức bồi thường thiệt hại do UBND cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định cụ thể. Nhà ở, công trình xây dựng khác và các tài sản khác gắn liền với đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn bị thiệt hại do phải giải tỏa thì được bồi thường theo mức thiệt hại theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 09/5/2014, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND

ban hành quy định việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê trên địa bàn

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo Quy định này, nhà ở cũ không thuộc diện được bán bao gồm: Nhà ở công vụ, nhà ở sinh viên, nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước; nhà ở nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng nhà ở công vụ, quy hoạch xây dựng công trình trọng điểm của Nhà nước; nhà ở đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền để cải tạo, xây dựng lại thành nhà ở mới hoặc để xây dựng các công trình khác; nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng đang bố trí làm nhà ở và thuộc diện phải thực hiện xử lý, sắp xếp lại nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; nhà ở nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng làm nhà ở công vụ, công sở, trụ sở làm việc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; nhà ở gắn với di tích lịch sử - văn hóa được cơ quan có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; nhà chung cư bị hư hỏng nghiêm trọng, xuống cấp có nguy cơ sập đổ đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng công trình xây dựng; căn hộ chung cư không khép kín chưa được Nhà nước cải tạo lại trừ trường hợp người thuê đã tự cải tạo trước ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và việc sử dụng độc lập, tự nguyện, có sự đồng thuận thông qua cam kết bằng văn bản đề nghị được mua và căn hộ này không nằm trong nhà chung cư bị hư hỏng quy định tại khoản này; nhà biệt thự nằm trong danh mục biệt thự không thuộc diện được bán; nhà ở được bố trí sử dụng từ trước ngày 19/01/2007 nhưng kể từ ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà người được bố trí thuê chuyển đổi sang nhà ở khác hoặc người thuê chết mà khi chết không có ai đang cùng chung sống hoặc thuộc diện bị chấm dứt hợp đồng; nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng đã bố trí cho thuê từ sau ngày 19/01/2007; nhà ở có tranh chấp, khiếu kiện chưa được giải quyết xong khiếu nại, khiếu kiện

của cơ quan có thẩm quyền.

Nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước được bán là nhà ở không thuộc diện quy định nêu trên; nhà ở không có tranh chấp, khiếu kiện hoặc có tranh chấp khiếu nại nhưng đã được giải quyết xong khiếu nại, khiếu kiện của cơ quan có thẩm quyền; người đang thuê nhà ở cũ phải có hợp đồng thuê nhà ở cũ với Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở còn hiệu lực. Đối với nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng đã được bố trí sử dụng làm nhà ở trước ngày 19/01/2007 thì phải tách biệt khỏi khuôn viên trụ sở, cơ quan, phải có lối đi riêng, không che chắn mặt tiền trụ sở, cơ quan, không ảnh hưởng đến không gian, cảnh quan xung quanh, phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở tại địa phương và cơ quan, đơn vị không có nhu cầu sử dụng. Các loại nhà trên đây phải nằm trong khu vực quy hoạch là khu dân cư, chưa có quy hoạch chi tiết hoặc trong khu vực quy hoạch dự án mà chưa triển khai thực hiện.

Đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở cũ (hợp đồng thuê nhà ở cũ được ký kết với Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở). Người thuê nhà ở cũ có đơn đề nghị mua nhà ở cũ, nộp tiền thuê nhà ở cũ đầy đủ đến thời điểm nộp đơn xin mua nhà ở cũ. Người mua nhà ở cũ phải cam kết chưa có nhà riêng, chưa được Nhà nước cấp đất, cấp nhà ở nơi khác (bao gồm người đại diện đứng tên hợp đồng thuê nhà ở và các thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đủ 18 tuổi trở lên). Nội dung cam kết lập thành văn bản có chứng thực tại nơi cư trú và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam kết trên.

Hồ sơ đề nghị mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước bao gồm: Đơn đề nghị mua nhà ở cũ theo quy định; bản sao chứng minh nhân dân của người đề nghị mua nhà ở cũ (trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết

hôn); hợp đồng thuê nhà ở cũ với Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở còn hiệu lực; biên lai nộp tiền thuê nhà ở cũ tháng cuối tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở cũ; cam kết chưa có nhà riêng, chưa được Nhà nước cấp đất, cấp nhà ở nơi khác; một trong những giấy tờ như quyết định phân phối nhà, giấy phân nhà, hợp đồng thuê nhà... chứng minh thời gian bắt đầu ở tại căn nhà xin mua nhà ở cũ.

Theo Quy định này, người có đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước nộp 2 bộ hồ sơ mua nhà tại Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở, Tổ nghiệp vụ bán nhà thuộc sở hữu nhà nước tổ chức kiểm tra, thiết lập hồ sơ mua bán nhà ở, lập bản vẽ bán nhà, phiếu đề xuất, bảng giá bán nhà ở cũ, dự thảo quyết định phê duyệt giá bán nhà ở cũ, lập danh sách kèm theo hồ sơ bán nhà ở cũ đề nghị Sở Xây dựng xem xét trình Hội đồng xác định giá bán nhà ở. Sở Xây dựng kiểm tra hồ sơ, đối tượng, điều kiện được mua nhà ở cũ sau đó trình Hội đồng xác định giá bán nhà ở phê duyệt. Sau khi Hội đồng xác định giá nhà ở phê duyệt giá bán nhà ở và giá chuyển quyền sử dụng đất ở, Sở Xây dựng lập danh sách đối tượng được mua nhà ở kèm theo văn bản duyệt giá bán nhà ở của Hội đồng xác định giá bán nhà ở để trình UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện mua nhà ở thì Sở Xây dựng có văn bản trả lời người nộp hồ sơ hoặc thông báo để Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở trả lại hồ sơ và thông báo cho người nộp hồ sơ biết. Sau khi có quyết định bán nhà ở cũ, Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở ký hợp đồng mua bán nhà ở cũ và hướng dẫn, lập các thủ tục nộp tiền mua nhà ở cũ vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi người mua nhà ở đã nộp đủ nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước (có biên lai thu tiền) theo quy định, Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ mua bán nhà ở và chuyển hồ sơ này cho UBND các

thành phố, huyện để thực hiện cấp giấy chứng nhận cho người mua theo quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận.

Đối với nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng đã bố trí sử dụng để ở từ trước ngày 27/11/1992 (kể cả trường hợp nhà ở này đã được cải tạo, xây dựng lại bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các hộ đang thuê nhà ở đó tiếp tục được bố trí thuê sau ngày 27/11/1992) thì áp dụng giá bán nhà ở cũ quy định như sau: Tiền nhà được tính theo bảng giá nhà và vật kiến trúc do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành có hiệu lực thi hành tại thời điểm tính toán giá bán nhà (Diện tích sử dụng nhà ở nhân chất lượng còn lại của nhà ở nhân giá chuẩn xây dựng nhà ở mới). Đối với nhà ở cấp IV mà người thuê đã phá dỡ, xây dựng lại trước ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì giá trị còn lại của nhà được tính bằng 0 (bằng không). Tiền sử dụng đất được tính theo bảng giá đất ở do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành có hiệu lực thi hành tại thời điểm tính toán giá bán nhà và căn cứ vào vị trí của đất ở, tầng nhà như sau: Đối với nhà ở nhiều tầng có nhiều hộ ở thì tính bằng 10% giá đất ở khi chuyển quyền sử dụng đất ở và phân bổ cho các tầng theo các hệ số tầng tương ứng; đối với nhà ở một tầng và nhà ở nhiều tầng có một hộ ở, nhà biệt thự có một hộ hoặc có nhiều hộ ở thì tính bằng 40% giá đất ở khi chuyển quyền sử dụng đối với phần diện tích đất trong hạn mức đất ở; đối với phần diện tích đất vượt hạn mức đất ở thì tính bằng 100% giá đất ở. Trường hợp nhà ở cũ khi xây dựng có một phần tiền góp của cá nhân và của tập thể mà không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì tiền mua nhà ở được tính như sau: Đối với tiền nhà thì thực hiện theo quy định nêu trên nhưng người mua được trừ số tiền đã góp xây dựng nhà ở trước đây (tính trên tỉ lệ % số tiền đã góp so với giá trị quyết toán khi xây dựng công trình nhà ở).

Phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà

ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư liên bộ số 13/LB-TT ngày 18/8/1994 của liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ về hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở trong bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê. Việc phân loại, phân cấp nhà ở cũ làm cơ sở để xác định giá bán nhà ở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05-BXD/ĐT ngày 09/02/1993 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở.

Mức đất ở tối đa để thực hiện chuyển quyền sử dụng đất ở khi bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước như sau: Tại thành phố Vũng Tàu là 230 m², xã Long Sơn - thành phố Vũng Tàu, thành phố Bà Rịa và các huyện trong tỉnh là 300 m². Phần đất ở ngoài mức đất ở quy định nêu trên phải nộp 100% tiền sử dụng đất ở tại thời điểm phê duyệt giá bán nhà ở.

Quy định này quy định: Đối với trường hợp nhà ở có nhiều hộ ở mà Nhà nước đã bán hết phần diện tích nhà thuộc quyền sử dụng riêng cho các hộ nhưng chưa bán phần diện tích nhà ở, đất ở sử dụng chung trong khuôn viên của nhà ở đó, nếu người đang sở hữu toàn bộ diện tích nhà ở đã mua có nhu cầu mua toàn bộ phần diện tích sử dụng chung này thì giải quyết như sau: Người mua phải nộp tiền nhà và tiền sử dụng đất đối với phần diện tích sử dụng chung này; mức thu tiền nhà được xác định theo tỉ lệ chất lượng còn lại của nhà ở nhân với

giá chuẩn nhà ở xây dựng mới do UBND cấp tỉnh ban hành có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký hợp đồng mua bán và nhân với diện tích sử dụng. Đối với phần diện tích đất liền kề với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước mà khi thực hiện bán nhà ở hoặc khi thực hiện bán nhà ở theo Nghị định số 61/CP của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở nhưng Nhà nước chưa giải quyết chuyển quyền sử dụng đất cho người mua đang thực tế sử dụng nhà ở đó hoặc khi Nhà nước thực hiện bán nhà ở theo quy định của Nghị định này thì giải quyết phần diện tích liền kề này như sau: Chuyển quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất liền kề với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nếu phần diện tích này không có tranh chấp, khiếu kiện và phù hợp quy hoạch xây dựng nhà ở; tiền sử dụng đất được tính bằng 40% giá đất ở đối với diện tích trong hạn mức đất ở, tính bằng 100% giá đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức đất ở trong khuôn viên nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đó. Giá đất để tính tiền sử dụng đất được áp dụng theo bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành có hiệu lực thi hành tại thời điểm công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất liền kề đó.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.baria-vungtau.gov.vn)

Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Long An ban hành quy định về bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An

Ngày 09/5/2014, UBND tỉnh Long An đã có Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ban hành quy định về bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An.

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan tới quản lý, khai thác và

sử dụng công trình xây dựng thuộc mọi nguồn vốn do tỉnh quản lý, bao gồm: Các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An thực hiện bảo trì công trình (công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công

trình hạ tầng kỹ thuật); công trình xây dựng đang sử dụng nhưng chưa thực hiện bảo trì công trình hoặc công trình đã hết tuổi thọ thiết kế có nhu cầu tiếp tục sử dụng. Công trình xây dựng chuyên ngành khi áp dụng Quy định này cần phải tuân thủ những quy định riêng do ngành hướng dẫn. Công trình được công nhận là di sản văn hóa, ngoài việc thực hiện theo Quy định này, còn phải tuân thủ các quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo Quy định này, các công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng phải thực hiện bảo trì, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Quy trình bảo trì công trình được lập phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, loại, cấp công trình và mục đích sử dụng của công trình. Việc bảo trì công trình phải đảm bảo an toàn về người và tài sản và đảm bảo tối đa sự vận hành liên tục và an toàn của công trình. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng công trình phải có kế hoạch bảo trì công trình gồm: Công tác khảo sát hiện trạng, lập kế hoạch vốn, kiểm tra xác định mức độ và thời gian xuống cấp, đánh giá chất lượng công trình và thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa công trình khi cần thiết.

Việc thực hiện bảo trì công trình được thực hiện theo trình tự: Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình; lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình; kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất; quan trắc đối với các công trình có yêu cầu quan trắc; bảo dưỡng công trình; kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết; sửa chữa công trình định kỳ và đột xuất; lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình.

Đối với công trình trụ sở cơ quan, công trình giáo dục, công trình y tế, công trình văn hóa, công trình thể thao, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng có trách nhiệm bảo trì công trình. Nguồn kinh phí bảo trì từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo phân cấp; nguồn vốn sự nghiệp và dự toán thu, chi ngân

sách nhà nước được giao hàng năm cho đơn vị quản lý sử dụng. Trách nhiệm bảo trì công trình nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, nhà ở thuộc sở hữu chung, nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, nhà ở cho thuê thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Đối với nhà ở, các chủ sở hữu có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu riêng và thỏa thuận đóng góp kinh phí để bảo trì phần sở hữu chung theo quy định tại Điều 48 và Điều 51 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP. Đối với công trình thuộc sở hữu Nhà nước và sử dụng nguồn vốn ngân sách để thực hiện bảo trì thì người được ủy quyền có trách nhiệm bảo trì công trình. Đối với công trình do cấp huyện đầu tư trên địa bàn hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý, sử dụng thì UBND các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã. Đối với công trình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì chủ sở hữu công trình có trách nhiệm bảo trì công trình. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị được đầu tư theo hình thức BOT, BTO thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian quản lý khai thác cho đến khi bàn giao công trình cho nhà nước quản lý. Sau khi chuyển giao cho đơn vị quản lý khai thác thì người đứng đầu đơn vị đó chịu trách nhiệm bảo trì. Riêng các công trình đầu tư theo hình thức BT, PPP thì trách nhiệm bảo trì thuộc về cơ quan quản lý, khai thác công trình. Đối với công trình công nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trực tiếp quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm bảo trì công trình. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, đơn vị quản lý, kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm bảo trì công trình từ nguồn kinh phí cho thuê hạ tầng.

Việc sửa chữa công trình, thiết bị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, tùy theo mức độ chi phí, thủ tục được thực hiện như sau: Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng thì chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền tự quyết định về kế hoạch sửa chữa với các nội dung: tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần sửa chữa, thay thế; lý do sửa chữa hoặc thay thế, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế, khối lượng công việc, dự kiến chi phí, dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành. Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thì chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Đối với các công trình xây dựng mới, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế cùng với hồ sơ thiết kế. Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình. Trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình không lập được quy trình bảo trì thì nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng và nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt có thể thuê tổ chức tư vấn khác có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật để lập quy trình bảo trì cho các đối tượng nêu trên và có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn.

Đối với công trình dân dụng cấp IV, công

trình nhà ở riêng lẻ và công trình tạm thì chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền thực hiện bảo trì thì không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền của các công trình này vẫn phải thực hiện bảo trì công trình theo các quy định của Quy định này. Đối với các công trình còn lại, chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo trình tự sau: Khảo sát, kiểm tra và đánh giá chất lượng hiện trạng công trình; lập quy trình bảo trì công trình; sửa chữa các hư hỏng của công trình (nếu có); thực hiện bảo trì công trình theo quy định tại Chương III của Nghị định 114/2010/NĐ-CP. Trong trường hợp chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền không có điều kiện lập quy trình bảo trì thì được phép thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để thực hiện.

Đối với các công trình hết tuổi thọ thiết kế, người có trách nhiệm bảo trì công trình phải thực hiện các công việc sau: Tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình; sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình; tự quyết định việc tiếp tục sử dụng sau khi thực hiện các công việc nêu trên đối với các công trình cấp III, cấp IV nhưng không gây ra thảm họa khi có sự cố theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.longan.gov.vn)

Hội thảo “Quản lý và sử dụng amiăng trắng trong sản xuất tấm lợp ở Việt Nam”

Ngày 17/6/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã chủ trì và phối hợp với Ủy ban Khoa học công nghệ và Môi trường của Quốc hội tổ chức Hội thảo “Quản lý và sử dụng amiăng trắng trong sản xuất tấm lợp ở Việt Nam”. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam và Ủy viên thường trực Ủy ban KHCN-MT Quốc hội Nguyễn Hồng Tịnh đồng chủ trì Hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, Việt Nam là một trong các quốc gia tham gia Công ước kiểm soát hóa chất độc hại. Chính phủ đã cấm tuyệt đối sử dụng các chất độc hại cho môi trường và sức khỏe cộng đồng để sản xuất vật liệu xây dựng. Đối với amiăng, nghiêm cấm sử dụng amiăng nhóm amphibol (nâu và xanh) trong sản xuất VLXD dưới mọi hình thức, chỉ cho phép sử dụng amiăng chrysotile (amiăng trắng) để sản xuất tấm lợp. Hiện nay cả nước có 41 cơ sở sản xuất tấm lợp xi măng amiăng, năng lực sản xuất khoảng 106 triệu m²/năm, chiếm 30-33% thị phần tấm lợp. Với những đặc tính về độ bền, giá thành rẻ, khả năng chịu mặn, cách âm, cách nhiệt, không đòi hỏi kết cấu mái phức tạp, tấm lợp xi măng amiăng là vật liệu rất hữu dụng đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển và những hộ có thu nhập thấp.

Tuy nhiên, thời gian qua, Bộ Xây dựng đã nhận được những ý kiến trái chiều, trong đó có những quan ngại về ảnh hưởng của sợi amiăng trắng tới sức khỏe con người và môi trường. Để nắm bắt thêm thông tin đầy đủ, khoa học, minh bạch và khách quan về vấn đề trên, và kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế thế giới và Việt Nam, đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe cộng đồng và có định hướng đúng đắn cho ngành sản xuất VLXD có sử dụng amiăng trắng, Bộ Xây dựng tổ chức Hội thảo này với sự tham gia của các cơ quan của Quốc hội,



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Hội thảo

Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các nhà khoa học trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan... để trao đổi, chia sẻ thông tin và các kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan đến VLXD có sử dụng amiăng trắng. Đặc biệt là về ảnh hưởng của amiăng trắng đến môi trường và sức khỏe con người, thực trạng sản xuất và tiêu thụ tấm lợp xi măng amiăng tại Việt Nam, quản lý và sử dụng tấm lợp xi măng amiăng có kiểm soát, đề ra các giải pháp và lộ trình đầu tư sản xuất tấm lợp không chứa amiăng để thay thế.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Lê Văn Tới - Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng cho biết, trong hơn 30 năm qua, trên thế giới vẫn tồn tại song song hai quan điểm trái ngược nhau đối với vấn đề sử dụng amiăng. Hiện nay, bên cạnh những nước cấm hoàn toàn việc sử dụng amiăng cả nhóm amphibol và nhóm chrysotile, có 149 quốc gia và vùng lãnh thổ, với hơn ¼ dân số thế giới đang theo quan điểm chỉ cấm sử dụng amiăng amphibol và cho phép sử dụng amiăng trắng và các sản phẩm chứa amiăng trắng, trong đó có nhiều nước thuộc G8 như Mỹ, Canada, LB Nga.

Hội thảo cũng đã nghe các tham luận của đại diện Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Bộ Công



Toàn cảnh Hội thảo

Thương, Bộ Y tế, Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam, Bệnh viện Xây dựng (Bộ Xây dựng), TS. John Anthony Hoskins - nhà khoa học người Anh, TS. Dmitry Selyanin - Hiệp hội các công đoàn Amiang thế giới.

Bên cạnh những ý kiến cho rằng nên cấm sử dụng amiăng trắng vì nó có thể là tác nhân gây ra các bệnh ung thư phổi, u trung biểu mô thì cũng có những nhà khoa học đã dẫn chứng các nghiên cứu trong nước và quốc tế cho thấy chưa có bằng chứng trực tiếp nào về sự tương quan giữa các bệnh nói trên đối với việc tiếp xúc với các sản phẩm VLXD chứa amiăng trắng.

Sau khi nghe các tham luận và các ý kiến trao đổi tại hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đánh giá cao sự tranh luận tích cực của các đại biểu dự Hội thảo, đồng thời cho rằng, những ý kiến trái chiều là rất cần thiết.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, trên thế giới, cuộc tranh luận về việc cấm hay không cấm sử dụng amiăng trắng, các tác hại cũng

như lợi ích kinh tế của việc sản xuất và sử dụng amiăng trắng đã kéo dài hàng chục năm nay. Các ý kiến phát biểu tại Hội thảo cho thấy chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này. Bộ Xây dựng sẽ phối hợp với các Bộ, ngành lấy ý kiến các chuyên gia để đề xuất với Thủ tướng Chính phủ, trên nguyên tắc nếu có cấm thì cũng phải dựa trên cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, điều kiện kinh tế - xã hội và có lộ trình phù hợp để đảm bảo lợi ích của tất cả các bên, trong đó lợi ích của người dân là trên hết. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng yêu cầu, trong khi các Bộ, ngành nghiên cứu, xem xét, kiến nghị giải pháp và lộ trình phù hợp, các doanh nghiệp sản xuất VLXD có sử dụng amiăng phải tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến sản xuất VLXD amiăng, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, đặc biệt chú trọng vấn đề an toàn vệ sinh lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để phát hiện sớm các triệu chứng, ảnh hưởng của các tác nhân gây bệnh trong sản xuất. Thứ trưởng đề nghị các cơ quan chuyên môn của các Bộ, ngành liên quan tăng cường, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của các cơ sở sản xuất VLXD có sử dụng amiăng; đề nghị các tổ chức quốc tế tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Việt Nam, tạo điều kiện hỗ trợ về chuyên gia, kinh phí để có được những công trình nghiên cứu sâu hơn nữa về vấn đề này.

Minh Tuấn

Nghiệm thu đề tài cấp Bộ của Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị

Ngày 25/6/2014 tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài cấp Bộ - biên soạn bộ tài liệu dành cho đối tượng 7 và 8 thuộc Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý

xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010 - 2015 (Đề án 1961) do Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi

trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm biên soạn, Phó Giám đốc Học viện Nguyễn Hoài Nam đã tóm tắt quá trình triển khai cũng như kết quả thực hiện việc biên soạn Bộ tài liệu. Theo đó, căn cứ vào Quyết định số 1961/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/10/2010 về việc phê duyệt Đề án, và căn cứ vào Đề cương chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 1149/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 20/12/2012, Bộ tài liệu thuộc Chương trình 7 (đào tạo bồi dưỡng về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với Trưởng, Phó trưởng phòng Quản lý đô thị, Công Thương thuộc quận, huyện, thành phố, thị xã); và Chương trình 8 (đào tạo bồi dưỡng về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường thuộc phường, thị trấn; và công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường thuộc thành phố, thị xã) được ưu tiên triển khai biên soạn. Đề tài đã đáp ứng yêu cầu thực tế, và hiện thực hóa một trong những mục tiêu của Đề án là: đến năm 2015 có 100% công chức lãnh đạo đương nhiệm, công chức đô thị từ loại V trở lên, công chức lãnh đạo chuyên môn các cơ quan tham mưu giúp UBND các cấp quản lý xây dựng và phát triển đô thị sẽ được đào tạo bồi dưỡng, bổ sung, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực mà mình quản lý.

Về nội dung, tài liệu dành cho đối tượng 7 gồm 07 chuyên đề; tài liệu dành cho đối tượng 8 gồm 08 chuyên đề, xoay quanh các vấn đề quản lý quy hoạch đô thị - nông thôn, quản lý không gian kiến trúc cảnh quan và bảo tồn di sản đô thị, quản lý trật tự xây dựng đô thị, quản lý đất đai - nhà ở và thị trường bất động sản...

Sau khi hoàn thành việc biên soạn, Học viện đã tổ chức đào tạo bồi dưỡng thí điểm tổng cộng 81 lớp trên rất nhiều tỉnh thành trong toàn quốc cho cả 02 nhóm đối tượng 7 và 8, đạt kết quả khả quan và những phản hồi rất tích cực từ các đơn vị chức năng tại các địa phương.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội



Toàn cảnh hội nghị nghiệm thu

đồng đều đánh giá cao tính cấp thiết của đề tài. Để giúp nhóm biên soạn nghiên cứu hoàn chỉnh Bộ tài liệu, Hội đồng đã góp ý về thời lượng giảng dạy, hàm lượng, các nội dung cụ thể trong từng chuyên đề; lưu ý trình độ học viên để điều tiết nội dung phù hợp. Theo đánh giá của Hội đồng, Bộ tài liệu được biên soạn công phu, và sẽ là tài liệu giảng dạy bồi dưỡng rất tốt sau khi được nghiên cứu chỉnh sửa.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với Hội đồng, lưu ý nhóm biên soạn cần rà soát lại để nội dung các chuyên đề bám sát đề cương chi tiết. Các nội dung chuyên đề cần ngắn gọn súc tích, phù hợp với chức năng quản lý của từng loại đối tượng. Ngoài ra, mỗi chuyên đề cần lập những tình huống cụ thể giúp học viên nắm bắt thực tiễn và tham gia thảo luận chất lượng hơn. TS. Hòa đề nghị nhóm biên soạn hoàn thành công việc trước tháng 9/2014, có văn bản giải trình và tiếp thu ý kiến, để Bộ Xây dựng có cơ sở nghiệm thu và ban hành Bộ tài liệu, góp phần trang bị cho công chức lãnh đạo chuyên môn đô thị các cấp những kiến thức cơ bản về quản lý đô thị, kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và thực thi các nhiệm vụ quản lý phát triển đô thị.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Tọa đàm về các vấn đề khoa học, công nghệ xây dựng công trình dân dụng và quốc phòng ở vùng biển đảo

Ngày 25/6/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức tọa đàm về các vấn đề khoa học, công nghệ xây dựng công trình dân dụng và quốc phòng ở vùng biển đảo với sự tham dự của các viện nghiên cứu, các đơn vị chức năng của Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam chủ trì buổi tọa đàm.

Tham dự buổi Tọa đàm, về phía Bộ Quốc phòng có Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng - Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư, các đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Tư lệnh Hải Quân, Bộ Tư lệnh Công binh, Cục Doanh trại, Viện Kỹ thuật Công binh, Viện Nghiên cứu công trình đặc biệt. Về phía Bộ Xây dựng có lãnh đạo các Vụ: Khoa học công nghệ, Vật liệu Xây dựng, Cục quản lý nhà và thị trường bất động sản, Cục quản lý hoạt động xây dựng, Cục Giám định nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng, Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng.

Phát biểu khai mạc buổi tọa đàm, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phối hợp với Bộ Quốc phòng trong các vấn đề khoa học công nghệ: nghiên cứu các giải pháp vật liệu, chống ăn mòn, tăng cường độ bền vững của công trình dân dụng và công trình phòng thủ cho vùng biển đảo, trong đó có quần đảo Trường Sa, Bộ Xây dựng tổ chức buổi tọa đàm với các đơn vị có liên quan của Bộ Quốc phòng, nhằm trao đổi thông tin và tìm hiểu nhu cầu thực tế của Bộ Quốc phòng trong công tác xây dựng các công trình dân dụng và quân sự tại vùng biển đảo, để từ đó xây dựng các chương trình phối hợp, các đề tài nghiên cứu phục vụ cho công tác này.

Phát biểu tại buổi tọa đàm, đại diện Bộ Quốc phòng - thiếu tướng Nguyễn Mạnh hoan nghênh sáng kiến của Bộ Xây dựng trong việc tổ chức buổi tọa đàm này, đồng thời cung cấp



Toàn cảnh buổi tọa đàm

thông tin khái quát về hệ thống các công trình trên vùng quần đảo Trường Sa, bao gồm công trình dân dụng, công trình quân sự, nhà giàn DK, các tiện ích phục vụ sinh hoạt cho bộ đội trên các đảo. Theo Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng, do điều kiện khí hậu trên vùng biển đảo rất khắc nghiệt, điều kiện địa chất nền san hô, môi trường ăn mòn do xâm thực mặn có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và độ bền vững của các công trình xây dựng. Thông qua buổi tọa đàm này, Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng mong muốn Bộ Xây dựng có các định hướng nghiên cứu về nền móng trên nền địa tầng san hô, giải pháp chống ăn mòn cho thép và bê tông, xử lý bề mặt trong môi trường nước mặn, sử dụng cát san hô và nước mặn để chế tạo bê tông... giúp Bộ Quốc phòng nâng cao chất lượng các công trình quân sự và dân dụng cũng như tăng cường tiện nghi sinh hoạt cho bộ đội trên các đảo.

Tại buổi tọa đàm, đại diện các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng như Viện Vật liệu xây dựng, Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường và các đơn vị của Bộ Quốc phòng đã tiến hành thảo luận, trao đổi các thông tin về những giải pháp khoa học công nghệ, vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu thực tiễn được đặt ra, cũng như thống nhất một số

định hướng về xây dựng các cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng các công nghệ, vật liệu mới phục vụ các công trình biển đảo như xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn thiết kế, hướng dẫn thi công...

Phát biểu kết luận buổi tọa đàm, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam khẳng định, với tiềm lực khoa học công nghệ là các viện nghiên cứu, các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực xây dựng, Bộ Xây dựng sẵn sàng phối hợp và sẽ dành những nguồn lực thích đáng hỗ trợ cho việc nghiên cứu các giải pháp về vật liệu, công

nghệ xây dựng, hệ thống chính sách kỹ thuật phục vụ cho việc xây dựng các công trình ở vùng biển đảo phục vụ cho quốc phòng. Bên cạnh đó, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng chỉ đạo các đơn vị của hai Bộ tăng cường tiếp xúc, trao đổi thông tin cũng như phối hợp, chủ động đề xuất các đề tài nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực phục vụ công tác phòng thủ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Minh Tuấn

Chất thải công nghiệp - nguồn nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng

Chúng ta đang sống trong thế kỷ chất thải. Những nghiên cứu đáng tin cậy cũng như hàng loạt các ấn phẩm được phát hành chứng minh rõ ràng cho sự tồn tại của mối nguy hại nảy sinh từ những thảm họa đang dần ảnh hưởng đến sinh thái và các thảm họa có nguồn gốc kỹ thuật. Những thảm họa đó nảy sinh từ sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo được và từ sự ô nhiễm trái đất do khối lượng chất thải, chủ yếu là chất thải nguy hại, đang không ngừng tăng lên.

Năm 1975, Nghị quyết Hội đồng số 75/442/EEC của Cộng đồng kinh tế châu Âu đã định nghĩa về “chất thải” và “sự tận dụng”. Từ thập niên 1970, việc giám sát khối lượng hình thành chất thải và số lượng các loại chất thải tại nước ngoài và ở Liên bang Nga đã bắt đầu được triển khai theo các định kỳ thời gian và với mức độ tiếp cận thông tin khác nhau.

Sự hình thành chất thải với những khối lượng ngày càng lớn và tốc độ hình thành ngày càng cao là một trong những vấn đề cơ bản trên quy mô toàn cầu của tất cả các quốc gia trong đó có Liên minh châu Âu (EU). Theo số liệu của Cơ quan Bảo vệ thiên nhiên châu Âu, mỗi năm tại các quốc gia thành viên của EU có đến 1,3

tỷ tấn chất thải được hình thành, khoảng 1,3 tấn/người. Trong số đó 27 triệu tấn (chiếm 2%) là chất thải nguy hại. Phần lớn khối lượng chất thải (trên 1 tỷ tấn hoặc chiếm 77%) thuộc về 3 nhóm chất thải sau: Chất thải công nghiệp; chất thải khai thác mỏ và chất thải xây dựng. Phần lớn chất thải phát sinh từ 5 nguồn chủ yếu sau: Chất thải công nghiệp (26%); chất thải công nghiệp khai thác mỏ (29%); chất thải xây dựng (22%); chất thải sinh hoạt rắn (14%) và các loại chất thải khác (9%).

Đáng tiếc là do thiếu số liệu nên việc so sánh khối lượng chất thải hình thành tại các nước đã không thực hiện được. Tuy nhiên, thực trạng của vấn đề thì đã rõ ràng.

Từ năm 2002, lượng chất thải tại Liên bang Nga đã tăng đột biến (tăng gần 15 lần so với năm 2001). Sau đó mức tăng này ổn định. Trong 5 năm từ năm 2002 đến 2007 mỗi năm tổng khối lượng chất thải hình thành ở Liên bang Nga tăng gần 2 lần.

Cơ cấu giám sát các loại chất thải cơ bản hình thành tại các nước thành viên EU và tại Liên bang Nga là khác nhau. Liên bang Nga không tách chất thải xây dựng và chất thải sinh hoạt rắn thành một loại riêng mà gộp vào nhóm

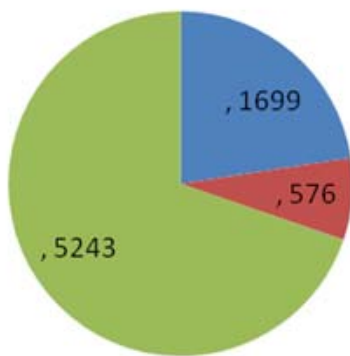
“các loại chất thải khác”.

Theo số liệu chính thức, tính trung bình ở nước Nga đã hình thành trên 3 tỷ tấn chất thải mỗi năm, trong đó khoảng 35 - 40 triệu tấn là chất thải sinh hoạt công cộng rắn. Trên một nửa khối lượng chất thải (54% khoảng 1,6 tỷ tấn) là chất thải của ngành công nghiệp khai thác khoáng sản nhiên liệu - năng lượng. Con số đó cho thấy cơ chế tiêu thụ tài nguyên thiếu hợp lý làm tăng lượng chất thải.

Hiện nay, tại các bãi rác của Liên bang Nga đã có tới trên 94 tỷ tấn chất thải rắn. Đáng tiếc là trên thực tế lượng chất thải khổng lồ đó không những không được tái sử dụng mà đang thực sự là một mối đe dọa.

Theo số liệu của Cơ quan Thanh tra Liên bang về sử dụng tài nguyên thiên nhiên, từ đầu năm 2010 đến nay đã có 7.518 bãi rác đang được sử dụng cho việc lưu giữ chất thải (Hình 1). Cộng đồng đặc biệt quan tâm tới vấn đề chất thải rắn sinh hoạt và các phương án giải quyết vấn đề đó. Vấn đề sử dụng chất thải công nghiệp đòi hỏi phải nghiên cứu thêm.

- 1.699 bãi rác chất thải sinh hoạt rắn;



Hình 1: Các loại công trình lưu giữ rác tại Liên bang Nga

- 576 bãi chứa chất thải công nghiệp;
- 5.243 bãi rác không phép;

Nghị quyết Hội đồng số 75/442/EEC ngày 15/7/1975 của Cộng đồng kinh tế châu Âu hay còn gọi là văn bản khung được xem là một mẫu

mục cho giải pháp kỹ thuật trên cấp ngành đối với vấn đề chất thải. Văn bản nêu ra hệ thống phân cấp quản lý chất thải và khuyến nghị các nước thành viên EU áp dụng hệ thống đó. Hệ thống bao gồm những nội dung chính như sau:

- Ngăn ngừa sự hình thành hoặc giảm lượng hình thành chất thải kể cả giảm mức độ độc hại của chất thải;

- Khôi phục các chất lượng hữu ích của chất thải trong đó có việc xử lý lần thứ hai và sử dụng lại;

- Tận dụng hoàn toàn một cách an toàn được xem là cách lựa chọn khả thi cuối cùng;

Tiếp theo, văn bản khung đã bổ sung và sửa đổi nhiều nội dung trong Chỉ thị của Hội đồng số 91/156/EEC ngày 18/3/1991 kể cả quyết định của Hội đồng số 96/350/EU và văn bản hướng dẫn của Liên minh châu Âu số 1882/2003.

Quyết định của Nghị viện châu Âu và Hội đồng số 1600/2002/EU ngày 27/7/2002 đã phê duyệt chương trình hành động thứ sáu của cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Một trong những mục tiêu chủ yếu của Chương trình là “sử dụng các nguồn tài nguyên hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng quản lý tài nguyên và chất thải nhằm tạo lập mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững, xóa tình trạng phụ thuộc vào quy mô tăng trưởng kinh tế để việc tiêu thụ các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo không vượt quá “khả năng” của môi trường”.

Những năm gần đây, chính sách sinh thái của nước Nga đã phù hợp hơn với các quyết định của các nước thành viên EU. Những quyết định này được soạn thảo trên cơ sở nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và xem xét các biện pháp nhằm “giảm mạnh khối lượng chất thải, sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên và tạo ra các mô hình sản xuất và tiêu thụ mang tính bền vững hơn”, “giảm mạnh lượng chất thải cần chôn lấp tại các bãi chôn lấp rác, đặc biệt là chất thải nguy hại”.

Hội nghị lần thứ 4 về bảo vệ môi trường đã

diễn ra vào tháng 12/2013 với sự tham gia của trên 2.000 đại biểu đến từ 83 chủ thể Liên bang Nga. Hội nghị đã thông qua Nghị quyết thể hiện quan điểm và kết quả nghiên cứu của các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các lĩnh vực liên quan, các nhà hoạt động xã hội, các nhà xây dựng chính sách của nước Nga và các nước khác. Nội dung của văn kiện là cơ sở cho việc xây dựng học thuyết quốc gia về bảo vệ môi trường, thể hiện các nguyên tắc sinh thái cơ bản của nước Nga và các định hướng triển khai thực hiện.

Nghị quyết nêu ra những nội dung sau: Sự cần thiết thông qua Nghị quyết về các nguyên tắc kinh tế “xanh” ở nước Nga; áp dụng các tiêu chí quy định chặt chẽ hơn trong quá trình kiểm tra, thẩm định, giám sát sinh thái của nhà nước, bổ sung các biện pháp về lập và thực hiện các dự án nhằm loại bỏ các chất thải rắn sinh hoạt và các loại chất thải khác một cách an toàn. Văn bản đề xuất thành lập Hội đồng sinh thái nhà nước trực thuộc Chính phủ Nga.

Có thể thấy rằng ý kiến của cộng đồng đối với vấn đề thiếu vắng phương pháp luận về cách ứng xử đối với chất thải là nghiêng về hướng giải quyết vấn đề trên cấp quốc gia. Tuy nhiên, trước bối cảnh tình trạng yếu kém của lĩnh vực này càng ngày càng phát triển, và trước tính nghiêm trọng của vấn đề, cần phải có biện pháp ứng phó kịp thời hơn như thành lập các cơ cấu quản lý chất thải mà doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận được.

Như vậy, ứng xử đối với các loại chất thải công nghiệp cũng như nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật là cách tiếp cận thống nhất và đáng tin cậy. Sản xuất VLXD là một ngành sản xuất tiêu thụ nhiều nguồn tài nguyên và nhiều nguyên liệu có nguồn gốc thiên nhiên, đồng thời cũng là ngành tiêu thụ nhiều tiềm năng đối với nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật. Những vấn đề mà ngành công nghiệp xây dựng đang đối mặt và các giải pháp cho các vấn đề đó

được xác định dựa trên số lượng chất thải công nghiệp và tình trạng cạn kiệt nguyên liệu thiên nhiên không có khả năng tái tạo.

Chúng ta đã xây dựng được các nguyên tắc làm nền tảng cho việc hình thành cơ sở nguyên liệu tại địa phương dành cho ngành công nghiệp xây dựng và cách tiếp cận đối với vấn đề tận dụng chất thải trong công nghiệp xây dựng, kể cả các tiêu chí đánh giá đối với chất thải công nghiệp.

Các loại nguyên liệu có nguồn gốc thiên nhiên và nguồn gốc kỹ thuật có thành phần hóa học và khoáng chất gần giống nhau được xem như một cơ sở nguyên liệu thống nhất của ngành công nghiệp xây dựng. Chỉ với tiêu chí đó mới có thể sản xuất được loại vật liệu có chất lượng cao, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra và giải quyết được các vấn đề sinh thái.

Một cách tiếp cận mới đã được đề xuất nhằm lựa chọn hợp lý về mặt kinh tế các hướng sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật cho sản xuất VLXD. Cách tiếp cận đó bao gồm những nội dung sau:

- Sử dụng triệt để nhất các ưu thế của tình trạng ban đầu (đặc tính hoạt động hoá học, tính phân tán và hình thể cấu tạo);

- Trong số tất cả các khuynh hướng có thể có, khuyến nghị lựa chọn công nghệ có quy trình xử lý đơn giản nhất;

Những thông số cơ bản đặc trưng cho bất cứ một loại chất thải công nghiệp nào được xem là thành phần hoá học - khoáng chất, hình thể cấu tạo và khối lượng hình thành. Để phục vụ cho việc lựa chọn cách sử dụng tốt nhất, mỗi loại chất thải công nghiệp cần phải trải qua một vài cấp độ đánh giá theo các tiêu chí khác nhau theo trình tự như sau:

- Đánh giá mức độ độc hại bằng cách so sánh thành phần với giới hạn nồng độ cho phép của các chất có khả năng gây ung thư (độc hại) và của các phần tử;

- Đánh giá theo thành phần hoá học - khoáng chất;

- Phát hiện các loại VLXD hoặc các thành phần của VLXD có lẫn trong chất thải;

- Phát hiện các hỗn hợp (phối liệu) nguyên liệu đã sẵn sàng cho việc sản xuất VLXD lẫn trong một số loại chất thải;

- Đánh giá về hình thể cấu tạo;

- Đánh giá về khối lượng hình thành;

Khối lượng hình thành của chất thải xác định chức năng của nó: Chất thải hình thành với khối lượng lớn giữ vai trò là nguyên liệu chính còn chất thải hình thành với khối lượng nhỏ giữ vai trò là chất phụ gia điều chỉnh các tính chất.

Sau khi trải qua quá trình đánh giá theo nhiều cấp như trên, chất thải được áp dụng quy chế nhất định.

Hầu như tính chất của tất cả các loại chất thải công nghiệp đều đã được nghiên cứu. Giải pháp kỹ thuật cho việc sử dụng các loại chất thải công nghiệp trong sản xuất các loại VLXD có đặc tính sử dụng chung hoặc sử dụng chuyên ngành cũng đã được soạn thảo.

Mặc dù cách thức sử dụng hợp lý nguyên liệu thiên nhiên đã được nêu ra và các giải pháp kỹ thuật cũng đã được soạn thảo giúp giảm tải cho môi trường, nhưng như trước đây, sản xuất VLXD vẫn là một ngành công nghiệp chưa bảo đảm an toàn về mặt sinh thái. Nguyên nhân là do chậm đổi mới tư duy và do phải đầu tư những khoản vốn lớn cho việc phát triển sản xuất theo định hướng sinh thái. Trong khi đó, phần lớn những việc liên quan đến chất thải thường không sinh lợi và không mang lại cho doanh nghiệp nhiều lợi nhuận.

Đối với các ngành sản xuất là nguồn sản sinh ra chất thải thì nhiệm vụ ưu tiên là tiến hành phân loại và nếu có thể thì công nhận chất thải là nguồn nguyên liệu thứ cấp kể cả việc xây dựng các giải pháp cụ thể về sử dụng chất thải tại các doanh nghiệp đang hoạt động. Tuy vậy, dường như việc soạn thảo các giải pháp kỹ thuật còn chưa thu được kết quả, ngoài ra việc đưa vào áp dụng các giải pháp cũng cần phải được hỗ trợ về mặt pháp lý. Ví dụ, phạt và

truy cứu trách nhiệm đối với hành vi không thực hiện các yêu cầu đặt ra hoặc truy cứu trách nhiệm tài chính trực tiếp đối với hành vi làm phát sinh chất thải đòi hỏi chôn lấp.

Một giai đoạn đánh giá chất thải khác cần phải thực hiện là đánh giá khối lượng và sự gắn kết với sản xuất tại địa phương nhằm giảm tối đa chi phí vận chuyển. Tuy nhiên, cần nhận thức được rằng tốc độ cạn kiệt nguồn tài nguyên của trái đất cũng như suy giảm chất lượng của cơ sở nguyên liệu thiên nhiên, sẽ tạo điều kiện cho triển vọng sử dụng chất thải làm nguyên liệu tại chính những “khu mỏ cung cấp nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật” ở những nơi xa xôi. Ngoài ra, một số loại chất thải có những đặc tính độc đáo khiến việc vận chuyển chúng vẫn đem lại khả năng sinh lợi. Rõ ràng là phương thức sử dụng chất thải hợp lý là phương thức gắn kết giữa lượng chất thải hình thành (phát sinh hàng năm hoặc tích tụ) với công suất của hoạt động sản xuất trong đó có sử dụng chất thải.

Một phương hướng quan trọng trong sử dụng tiết kiệm tài nguyên là khuyến khích các doanh nghiệp đang hoạt động định hướng lại hoạt động sản xuất theo hướng sử dụng các nguồn nguyên liệu thứ cấp và định hướng lại các cơ sở sản xuất mới thành lập theo hướng sử dụng các nguồn nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật. Điều đó cũng có nghĩa là cần áp dụng hệ thống quản lý tiêu thụ nguyên liệu. Việc đánh giá khả năng của nguyên liệu trước hết cần phải tập trung vào sử dụng tối đa có thể các nguồn nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật, chứ không phải tập trung vào việc tìm kiếm các loại nguyên liệu thiên nhiên phù hợp nhất cho quy trình công nghệ được sử dụng trong giai đoạn phát triển công nghệ hiện nay.

Cách ứng xử nêu trên đối với chất thải nhằm hướng đến việc thiết kế thành phần VLXD trong đó chỉ sử dụng nguồn nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật hoặc ít nhất thì cũng giảm triệt để việc sử dụng nguyên liệu thiên nhiên. Chúng ta

cần tập trung chủ yếu vào việc sử dụng chất thải một cách hợp lý và an toàn trong sản xuất VLXD. Xét trên quy mô toàn cầu thì cách sử dụng chất thải đó được xem là phù hợp hơn về mặt sinh thái so với việc lưu giữ và chôn lấp chất thải - cách ứng xử với chất thải đang từng bước ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống của con người.

Kết luận

1. Nguy cơ nảy sinh từ các thảm họa có nguồn gốc kỹ thuật và sinh thái đang càng ngày càng gia tăng. Đây là hệ quả của việc cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, của tình trạng ô nhiễm môi trường do lượng chất thải, chủ yếu là chất thải nguy hại, không ngừng tăng lên.

2. Cách xử lý phổ biến ở Liên bang Nga hiện nay đối với chất thải công nghiệp là lưu giữ tại các bãi rác chưa được phép mở cửa và chưa được trang bị các thiết bị cần thiết và không thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về chôn lấp chất thải;

3. Đa số các loại chất thải nảy sinh từ hoạt động khai thác khoáng sản nhiên liệu - năng lượng, chất thải công nghiệp luyện kim màu và luyện kim đen, kể cả chất thải xây dựng, đều là những loại nguyên liệu có triển vọng đối với chính ngành tiêu thụ nhiều nguyên liệu là ngành sản xuất VLXD;

4. Đã xây dựng được các nguyên tắc hình thành cơ sở nguyên liệu tại địa phương dành cho công nghiệp xây dựng, các tiêu chí phục vụ việc đánh giá chất thải công nghiệp và lựa chọn

hướng sử dụng hợp lý về mặt kinh tế đối với các loại nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật để sử dụng trong sản xuất VLXD;

5. Đã xây dựng các giải pháp kỹ thuật về sử dụng chất thải công nghiệp làm nguyên liệu trong sản xuất VLXD. Đây là loại nguyên liệu có khả năng thay thế một phần hoặc thay thế hoàn toàn cho loại nguyên liệu thiên nhiên và giảm tải cho môi trường;

6. Vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay là hoàn thiện hệ thống quản lý chất thải ở cấp nhà nước. Chính sách của nhà nước hướng vào các công nghệ tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường là công cụ duy nhất hữu hiệu đối với việc bảo tồn các nguồn tài nguyên. Chất thải công nghiệp nhất thiết phải là đối tượng quản lý của nhà nước;

7. Hướng hoạt động quan trọng hiện nay đối với việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên là khuyến khích các doanh nghiệp đang hoạt động định hướng lại hoạt động sản xuất của họ theo hướng sử dụng các nguồn nguyên liệu thứ cấp và định hướng các cơ sở sản xuất mới thành lập theo hướng sử dụng các nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật.

N.G. Chumachenko và E.A. Korenkova
Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga,
số 3/2014

ND: Huỳnh Phước

Phế thải gỗ làm khối bê tông bột gỗ xây tường

Hiện nay, các thành phố công nghiệp lớn đang phải đối mặt với vấn đề xử lý gỗ phế liệu. Chỉ riêng tại Moskva (Nga), bãi chôn lấp vùng ngoại ô đã tiếp nhận trung bình hơn 5 nghìn m³ gỗ phế liệu mỗi ngày. Với nền khoa học hiện đại ngày nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã nghiên cứu và triển khai rộng rãi các thiết bị máy móc đạt tiêu chuẩn nhằm giải bài toán tận

dụng phế thải từ gỗ rất hiệu quả và hợp lý. Một trong những xu hướng đó là biến phế thải gỗ thành vật liệu xây dựng.

Tại Nga, đất nước lớn nhất hành tinh với tài nguyên rừng vô cùng phong phú, vấn đề nêu trên luôn là một nhu cầu thiết thực. Các chuyên gia của Tập đoàn quốc gia "Sản phẩm gỗ sinh thái" đã nghiên cứu thành công một phương

thức sử dụng hiệu quả phế thải gỗ như một nguồn nguyên liệu thay thế cốt liệu cho bê tông bột gỗ - loại vật liệu xây dựng cách nhiệt tốt và an toàn về mặt sinh thái. Ở giai đoạn đầu, các chuyên gia đã nghiên cứu các thiết bị xử lý các máng, miếng gỗ thành các phoi nghiền vụn, và bước tiếp theo sử dụng các phoi nghiền này làm cốt liệu cho bê tông. Nguồn gỗ phế thải là từ các công trường xây dựng, từ các sản phẩm không đúng quy cách của các nhà máy chế biến gỗ, và từ các nhà máy giấy.

Nhiều cốt liệu có thành phần xen lu lô hữu cơ - trong đó có cốt liệu gỗ - bên cạnh các đặc tính hữu ích (khối lượng riêng nhỏ, tính thấm ướt tốt, dễ nghiền đập...) còn có một số tính chất bất lợi, gây ảnh hưởng tới quy trình sản xuất bê tông cường độ cao từ đá xi măng và gỗ. Các tính chất đó là tính xâm thực cao, thể tích biến dạng do độ ẩm và áp suất trương nở lớn, tính thấm thấu cao, lực bám dính thấp đối với đá xi măng, độ đàn hồi lớn khi vừa được đầm nén. Chúng tác động tiêu cực tới quá trình kết cứng của đá xi măng, tới cấu trúc, cường độ và độ bền của bê tông trước tác động của độ ẩm.

Các tính chất đặc trưng nêu trên của cốt liệu gỗ ở những mức độ khác nhau đều có ảnh hưởng tới kết cấu và các tính chất cơ lý của bê tông. Bởi vậy, để sản phẩm làm ra đạt chất lượng cao, các tính chất này cần được nghiên cứu và tính toán kỹ trong phương pháp sản xuất bê tông.

Tập đoàn có riêng một phân xưởng chế tạo các khối xây từ bê tông bột gỗ - loại vật liệu có cường độ cao, và các đặc tính tuyệt vời về mặt kháng nhiệt, khiến vật liệu nổi trội trong lĩnh vực tiết kiệm nhiệt lượng, giúp tiết kiệm đáng kể nguồn năng lượng để sưởi ấm các công trình/tòa nhà.

Sản phẩm của phân xưởng là các khối xây có kích thước 300 x 200 x 500 mm có cấu tạo như nhau, góc cạnh vuông vức và các mặt phẳng trơn nhẵn, nhờ đó công tác xây xếp được đơn giản hóa rất nhiều; lượng vữa cát - xi măng

sử dụng khi xây tường được tiết kiệm đáng kể. Điều này cũng cho phép giảm giá thành một ngôi nhà xây bằng loại vật liệu này. Các khối xây tường bằng bê tông bột gỗ rất an toàn về mặt sinh thái, với các chỉ số cách âm và cách nhiệt cao, không bắt lửa. Những sản phẩm này đã được kiểm nghiệm về độ bền, tuổi thọ không chỉ qua thực tế xây dựng trong nước mà cả quốc tế, với thời hạn khai thác theo tính toán không dưới 100 năm.

Phoi gỗ nghiền vụn thu nhận được từ các máy nghiền là loại nguyên liệu lý tưởng bởi trong những điều kiện nhiệt độ - khí hậu khác nhau chúng không chịu bất cứ tác động sinh học nào, và luôn duy trì tính ổn định về các chỉ số biến hình cũng như hoạt tính hóa học. Vấn đề ở chỗ, một số chất dễ bị chiết tách và đường dễ thủy hóa có trong thành phần gỗ (đường, lactosa, glucosa...) hoặc sẽ bị giảm thực sự do tác động của độ ẩm và ánh sáng mặt trời; hoặc chuyển hóa thành những dạng khó hòa tan hơn, do đó ảnh hưởng của các chất này tới việc làm chậm quá trình đông kết của đá xi măng cũng như bê tông sẽ bị giảm thiểu tối đa. Cũng như vậy, các ảnh hưởng từ biến dạng thể tích, biến dạng từ độ ẩm của cốt liệu gỗ trong quá trình hình thành sản phẩm cũng được tối thiểu hóa.

Điều này lý giải nguyên nhân cốt liệu từ phoi gỗ lại được nhìn nhận như một nguyên liệu đáp ứng việc sản xuất bê tông mà không cần ứng dụng các công nghệ đòi hỏi chi phí cao, như dùng nước rửa các chất dễ thủy phân từ gỗ; các biện pháp lý học và hóa lý khác được ứng dụng nhằm giảm các ảnh hưởng tiêu cực từ các tính chất đặc trưng của cốt liệu gỗ đối với độ bền vững về mặt cấu trúc của bê tông.

Tập đoàn đã đầu tư xây dựng một dây chuyền sản xuất khép kín, từ khâu định lượng các thành phần và chuẩn bị vữa bê tông trên máy trộn vữa tiêu chuẩn C -209; cho tới khâu tạo hình sản phẩm, đóng khuôn, ứng dụng các quy tắc đầm nén vữa bê tông có độ đàn hồi - theo phương pháp đầm nén rung trong các

khuôn kim loại định hình cho sản phẩm, và các ván khuôn có thể tháo lắp. Các thiết bị đều được sản xuất tại các xưởng cơ khí trong nước. Tổng nhu cầu tiêu thụ năng lượng của thiết bị là 60 kw/h; công suất dây chuyền là 600 m³ bê tông/ tháng.

Việc duy trì hình dạng sản phẩm cho tới khi đạt được cường độ tiêu chuẩn để tháo khuôn diễn ra trong khoảng thời gian từ 8 - 12 giờ đồng hồ ở nhiệt độ 18 - 36°C. Việc đẩy mạnh quá trình kết cứng của sản phẩm được bảo đảm bởi nhờ các chất phụ gia trong vữa bê tông, đồng thời nhờ ảnh hưởng từ sự tỏa nhiệt diễn ra trong quá trình sản phẩm được tạo hình. Bê tông bột gỗ được tạo ra trên cơ sở xi măng pooc lăng mác M500 có can xi trong thành phần clanhke xi măng.

Tùy vào hệ số đầm nén và thành phần cấu tạo, thành phẩm có thể đạt mác từ M10 (sản phẩm cách âm cách nhiệt với khối lượng riêng

400 - 500 kg/m³) tới M500 (sản phẩm cách nhiệt với khối lượng riêng 700 - 800 kg/m³). Khối xây sản xuất đại trà trên thị trường có khối lượng riêng 590 kg/m³ với chỉ số truyền nhiệt chỉ 0,126 w/(m°C).

Khối xây bê tông bột gỗ đảm bảo tối đa sự trao đổi nhiệt của các căn phòng, nhất là đối với các công trình nhà ở thấp tầng, các công trình nông trại chăn nuôi gia súc, gia cầm do duy trì rất tốt vùng tiểu khí hậu bên trong. Việc ứng dụng các khối xây làm cốt liệu tường giữa các khung trong xây nhà khung bê tông đúc, và trong xây dựng một số công trình hạ tầng cơ bản cũng đem lại hiệu quả lớn về mặt kinh tế và kỹ thuật.

I.Nanazavishvili

Nguồn: Tạp chí Vật liệu Xây dựng,,Thiết bị & Công nghệ thế kỷ XXI (Nga) số 9/2012

ND: Lê Minh

Trung Quốc phát triển vật liệu xây dựng xanh WPC (gỗ nhựa)

Dự kiến đến cuối năm 2015, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm gỗ nhựa trên toàn cầu sẽ vượt quá 3 triệu tấn, tổng giá trị lên tới 6 tỷ USD. Với dự kiến này Trung Quốc đặt mục tiêu trở thành nước sản xuất và xuất khẩu sản phẩm gỗ nhựa lớn nhất thế giới, biến sản phẩm này trở thành sản phẩm trọng điểm của ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc đã kết hợp với Viện Công nghiệp gỗ Trung Quốc nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm gỗ ứng dụng dùng trong ngành Xây dựng, giúp cho ngành công nghiệp sản xuất gỗ của Trung Quốc phát triển vượt bậc trong vài năm trở lại đây. Chất lượng và hiệu quả sản xuất tăng đáng kể, đặc biệt là sản phẩm gỗ nhựa, đang được ưa chuộng sử dụng cho trang trí nội ngoại thất. Thời gian gần đây, sản phẩm gỗ nhựa đang chiếm ưu thế trên thị trường vật

liệu xây dựng trong và ngoài nước, bởi tính năng, chất lượng và giá thành cạnh tranh của sản phẩm này vượt trội hơn so với các sản phẩm của nhà sản xuất nước ngoài khác.

Sản phẩm chủ đạo của thị trường trang trí xây dựng

Đối với nhiều người thì vật liệu “gỗ nhựa” vẫn còn rất xa lạ. Gỗ nhựa (Wood - Plastic Composites hay viết tắt là WPC) là sản phẩm được làm từ nguyên liệu tổng hợp, thành phần chủ yếu là bột gỗ và nhựa, được trộn với tỷ lệ thích hợp và thêm các chất phụ gia để tạo ra sản phẩm nhựa gỗ theo yêu cầu về kích thước và màu sắc. Ưu điểm của gỗ nhựa so với gỗ là khả năng biến dạng, vật liệu dễ uốn, có thể tạo thành đường cong lớn. Sản phẩm vừa có tính chất như gỗ vừa có tính chất như nhựa, do đó có khả năng chống ẩm, chống mục nát, mặc dù

độ cứng chắc không bằng gỗ tự nhiên nhưng tính ứng dụng và khả năng linh hoạt lại cao hơn gỗ tự nhiên.

Trong khi nguồn nguyên liệu gỗ tự nhiên đang ngày càng trở nên khan hiếm ở thị trường trong nước, thì việc sử dụng sản phẩm gỗ nhựa thay thế trở thành xu thế mới. Hơn nữa sản phẩm này còn có thêm ưu điểm là thân thiện với môi trường, do việc sản xuất sản phẩm sử dụng các nguyên liệu tái sử dụng như mật cưa, tre nứa, trấu, vỏ cây,... Sản phẩm hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển xây dựng xanh và vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường của Chính phủ Trung Quốc.

Với nhu cầu ngày càng cao về tính thẩm mỹ của công trình xây dựng, và tốc độ xây dựng ngày càng nhanh của ngành, sản phẩm gỗ nhựa đã được Chính phủ đầu tư nghiên cứu, phát triển và sản xuất ra sản phẩm có nhiều tính năng nổi bật hơn, khắc phục những nhược điểm trước đây về độ ăn mòn, biến dạng. Giờ đây sản phẩm gỗ nhựa được nghiên cứu và sản xuất bởi Viện Công nghiệp gỗ Trung Quốc đã có khả năng chịu nhiệt, chống cháy, bảo vệ môi trường, và phù hợp với điều kiện thời tiết khắc nghiệt ở hai miền Bắc và Nam của Trung Quốc.

Trong tương lai, gỗ nhựa sẽ được sản xuất ra thành 80 loại sản phẩm, phục vụ cho lĩnh vực trang trí, xây dựng như ván sàn ngoài trời, lan can, hàng rào, tấm chắn, khung bao cửa, cửa sổ, đồ gỗ nội ngoại thất, mái công trình... Tính ứng dụng của sản phẩm cao. Nhà sản xuất cũng khẳng định, sản phẩm gỗ nhựa ngoài tính năng thân thiện với môi trường còn tiết kiệm chi phí bảo trì bảo dưỡng, không bị mối mọt, mục rữa, dễ sửa chữa khi có hư hỏng hoặc muốn thay thế bằng màu khác, kiểu dáng khác.

Các nước phương Tây sử dụng gỗ nhựa từ rất lâu trước đây. Trong những năm gần đây thị trường vật liệu xây dựng Trung Quốc mới bắt đầu đưa sản phẩm vào chào bán. Do điều kiện khí hậu và thời tiết ở các vùng miền Trung Quốc khác nhau và khá khắc nghiệt, sự thay đổi của

khí hậu khiến cho vật liệu gỗ nhựa mới đầu khó được các nhà thi công chấp nhận, tuy nhiên sau thời gian cải tiến và nỗ lực đưa sản phẩm vào thị trường của Chính phủ cũng như các nhà sản xuất, sản phẩm gỗ nhựa đã trở thành sản phẩm được ưa chuộng. Người tiêu dùng dần lựa chọn sản phẩm gỗ nhựa với nhiều kiểu dáng và màu sắc để thay thế cho gỗ tự nhiên nhằm tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo tính thời trang đúng như phong cách hiện đại, sang trọng mà nhiều khách hàng, đặc biệt là khách hàng trẻ, đang hướng tới khi trang trí cho căn nhà của mình.

Tương lai của ngành sản xuất gỗ nhựa

Ngoài những tính năng vượt trội hơn so với các sản phẩm gỗ khác, đặc biệt là tính năng thân thiện với môi trường, WPC có được thị trường rộng lớn và khả năng phát triển cao. Đặc biệt, sản phẩm không có chứa chất fomanđêhit, do đó không gây ô nhiễm và an toàn đối với người sử dụng. Hơn nữa, nguồn nguyên liệu gỗ tái chế sử dụng trong sản xuất gỗ nhựa còn được lấy từ các loại cây trồng đã qua thu hoạch không còn sử dụng, vì thế không những giá thành sản phẩm gỗ nhựa thấp mà còn đem lại lợi ích kinh tế cho người nông dân. Khi người tiêu dùng không sử dụng sản phẩm gỗ nhựa nữa, thì sản phẩm này có thể được thu mua lại và được tái chế để trở thành nguyên vật liệu mới.

Như vậy, rõ ràng sự phát triển và ứng dụng của vật liệu gỗ nhựa đã góp phần đưa ngành Xây dựng Trung Quốc đi đúng hướng phát triển văn minh sinh thái, mà Đảng và Chính phủ đã chủ trương trong Đại hội Đảng XVIII, giải quyết vấn đề thiếu gỗ xây dựng, và bảo vệ nguồn tài nguyên gỗ tự nhiên đang dần bị cạn kiệt của nước này. Chính vì thế, có thể nói gỗ nhựa có giá trị thực tiễn quan trọng trong ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

Năm 2011, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc đã ban hành văn bản yêu cầu ngành công nghiệp sản xuất vật liệu composite có kế hoạch phát triển cơ sở sản xuất gỗ nhựa. Nhà nước sẽ hỗ trợ chính thức cho 4 - 5

doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất gỗ nhựa, và 100 - 150 doanh nghiệp sản xuất nhựa composite. Cho đến nay, mặc dù vật liệu gỗ nhựa mới được Trung Quốc đưa vào sản xuất, nhưng sản lượng đã vượt qua cả Mỹ và đứng thứ nhất trên thế giới. Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề mà ngành công nghiệp sản xuất gỗ nhựa cần phải quan tâm đặc biệt là tiêu chuẩn về tính năng của sản phẩm và hệ thống sản xuất.

Cho đến nay, các cơ quan chức năng vẫn chưa đưa ra được hệ thống tiêu chuẩn đánh giá tính năng và công năng sử dụng của vật liệu gỗ nhựa một cách hoàn chỉnh và chính thống. Nhiều tiêu chí được đưa ra là tiêu chí từ các nước phương Tây không phù hợp với điều kiện khí hậu và thời tiết ở Trung Quốc. Hơn nữa dây chuyền tái chế gỗ nhựa, gỗ thải,... cũng không

được đảm bảo, dẫn đến chất lượng sản phẩm không ổn định, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

Sắp tới, Bộ Nhà ở, Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc sẽ ban hành các văn bản có liên quan như “Biện pháp quản lý và đánh giá công trình xanh”, “Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng xanh”. Đây được coi là những căn cứ quan trọng để phát triển mục tiêu chiến lược xây dựng xanh, và cũng là cơ sở để ngành sản xuất vật liệu gỗ nói chung và gỗ nhựa nói riêng đi vào sản xuất một cách có trình tự, quy mô và chất lượng được đảm bảo hơn, tương lai phát triển của ngành sẽ rộng mở hơn.

Thời Nghi

Nguồn: <http://www.chinajsb.cn>

ND: Quỳnh Anh

Hội nghị thường niên năm 2014 của Diễn đàn Đô thị Việt Nam

Ngày 27/6/2014 tại Hà Nội, Diễn đàn Đô thị Việt Nam (VUF) đã tổ chức Hội nghị thường niên năm 2014 với sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch VUF và bà Victoria Kwakwa, Giám đốc Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam - đồng Chủ tịch VUF.

Tới dự Hội nghị có ông Phạm Xuân Dương - Ủy viên TW Đảng, Phó Trưởng ban thường trực Ban Kinh tế TW; lãnh đạo các Bộ ngành TW; đại diện các hội nghề Việt Nam; đại diện các tổ chức quốc tế; thành viên Ban điều phối VUF qua các thời kỳ và các thành viên VUF.

Hội nghị thường niên kỳ này với chủ đề “Diễn đàn đô thị Việt Nam nâng cao hiệu lực, hiệu quả của đối thoại chính sách phát triển đô thị” đã thu hút sự quan tâm và hưởng ứng tích cực của 102 thành viên thuộc 7 nhóm. Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Chủ tịch VUF - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng nhận định: Hệ thống các đô thị Việt Nam phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, với 770 đô thị các loại trên toàn quốc, đóng góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của cả nước. Diện mạo các đô thị ngày càng tươi đẹp, nhiều khu đô thị mới được xây, nhiều công trình xứng tầm khu vực được hoàn thành, khiến các đô thị Việt Nam xứng đáng là hạt nhân, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh những thành tựu không thể phủ nhận, các đô thị Việt Nam vẫn đang đối mặt với không ít khó khăn. Nguyên nhân trước hết là thể chế (các văn bản pháp lý liên quan tới xây dựng nói chung và phát triển đô thị nói riêng chưa phù hợp với mục tiêu tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước và thu hút sự tham gia của các chủ thể vào quá trình phát triển). Một nguyên nhân nữa là phát triển thiếu quy hoạch kế hoạch; thiếu những tính toán cụ thể nhằm phát triển đô thị theo lộ trình dài hạn, trung và ngắn hạn; do đó các hiện tượng dự án treo, đất bỏ hoang vẫn



Chủ tịch VUF - Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

tồn tại, gây lãng phí cho xã hội và bức xúc cho người dân. Bộ trưởng cho biết: nhằm khắc phục tình trạng trên, Bộ Xây dựng đang tập trung đổi mới quy hoạch, nghiên cứu quy hoạch vùng không gian thay vì quy hoạch theo địa giới hành chính. Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về Quản lý đầu tư phát triển đô thị do Bộ tham mưu cho Chính phủ đã thể hiện một quan điểm mới về phát triển đô thị có kế hoạch. Ngoài ra, các bộ luật như Luật Xây dựng (Quốc hội vừa thông qua), Luật Kinh doanh BĐS, Luật Nhà ở sửa đổi chuẩn bị trình Quốc hội đều do Bộ đề xuất chủ trì và sẽ là những công cụ đặc lực trong quản lý phát triển đô thị.

Trong bối cảnh chung đó, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá rất cao chủ đề của Diễn đàn Đô thị kỳ này. Đặc biệt, Bộ trưởng nhấn mạnh: đô thị hóa cần chú trọng tới nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp. Đây chính là quan điểm nhất quán của Đảng và Chính phủ trong phát triển kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa, luôn lấy con người làm trọng tâm. Bộ trưởng cũng đề nghị thời gian tới VUF đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của mình, tập trung vào những vấn đề khoa học mang tính thời đại (tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu...).

Phát biểu chào mừng Hội nghị, bà Victoria Kwakwa dành những lời cảm ơn đặc biệt cho



Toàn cảnh Hội nghị

Bộ Xây dựng trong vai trò Chủ tịch Diễn đàn. Bà cũng đánh giá rất cao công tác quy hoạch tăng trưởng không gian của Việt Nam, nhờ đó đất nước đã tránh được những tác động tiêu cực của tiến trình đô thị hóa (thất nghiệp, đói nghèo, sự hình thành các khu nhà ổ chuột). Trong quá trình này - theo bà V. Kwakwa - Việt Nam cần học hỏi thêm kinh nghiệm của các nước trong khu vực như Singapore, và các quốc gia khác

trên thế giới. Và vai trò của VUF, của Bộ Xây dựng thời điểm này là rất quan trọng. WB đang và sẽ luôn đồng hành cùng VUF, cùng Bộ Xây dựng và các đối tác khác tại các địa phương của Việt Nam trong việc tư vấn chính sách, hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư xây dựng hạ tầng... Cụ thể, hiện nay WB đang thực hiện dự án đầu tư phát triển đô thị 07 tỉnh miền núi phía Bắc.

Tại Hội nghị kỳ này, 06 thành viên mới của VUF đã được trao chứng chỉ công nhận thành viên. Hội nghị cũng thông qua Quyết định kiện toàn Ban điều phối VUF, và Kế hoạch chiến lược của VUF giai đoạn 2014 - 2020.

Trong các phiên họp, các đại biểu tham dự Hội nghị cùng thảo luận các chính sách đầu tư xây dựng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam; đẩy mạnh vai trò của các đối tác và các bên liên quan trong đối thoại chính sách phát triển đô thị; cơ hội và thách thức mới cho VUF...

Lệ Minh

LỄ Vận hành dây chuyền xử lý tro xỉ đầu tiên do Việt Nam sản xuất

Ngày 24/6/2014, tại Hải Dương, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường đã tổ chức Lễ Vận hành dây chuyền xử lý tro xỉ (giai đoạn 1) tại Dự án nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC. Đây cũng là dây chuyền xử lý tro xỉ đầu tiên do Việt Nam chế tạo, lắp ráp. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã đến dự và phát biểu tại buổi Lễ.

Sự kiện này đánh dấu một mốc quan trọng trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn cho các nhà máy nhiệt điện chạy than của nước ta, phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ về triển khai thực hiện giải pháp xử lý, sử dụng tro xỉ, thạch cao của nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tại buổi Lễ, báo cáo về quá trình nghiên cứu, triển khai dự án, đại diện của Công ty cổ



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại buổi Lễ

phần Sông Đà Cao Cường cho biết, sau một thời gian nghiên cứu, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty và sự giúp đỡ hỗ trợ của các nhà khoa học trong và ngoài nước, đến nay Công ty đã hoàn thiện việc thiết kế, chế tạo, lắp đặt và đưa vào vận hành dây



Thủ trưởng Nguyễn Trần Nam kiểm tra dây chuyền sản xuất

chuyển xử lý tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện chạy than thải ra, biến các chất phế thải thành các sản phẩm có chất lượng cao sử dụng được làm phụ gia, nguyên liệu cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng như: xi măng, bê tông đầm lăn, bê tông bền sunfat, bê tông trạm trộn, gạch nhẹ chung áp AAC, gạch cốt liệu...

Dây chuyền xử lý đồng bộ với công suất 450.000 tấn tro xỉ/năm, sản xuất được 375.000 tấn tro bay ẩm/năm, 150.000 tấn tro bay khô/năm và 75.000 tấn than qua tuyển/năm. Bên cạnh việc nghiên cứu thiết kế thành công dây chuyền xử lý tro xỉ thải của các nhà máy nhiệt điện chạy than, Công ty cũng đang hoàn thiện việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền xử lý chất thải rắn của nhà máy sản xuất phân bón DAP Đình Vũ - TP. Hải Phòng nhằm tạo ra sản phẩm thạch cao nhân tạo đảm bảo chất lượng để sử dụng cho ngành sản xuất xi măng, tấm trần thạch cao, làm khuôn cho ngành gốm sứ, trang trí.

Dây chuyền công nghệ xử lý tro xỉ thải bao gồm các công đoạn trong đó phần tuyển nổi sẽ tách phần than chưa cháy hết và các tạp chất ra khỏi tro đảm bảo sản phẩm tro bay đạt tiêu chuẩn Mỹ ASTM-C618 làm phụ gia cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Phần than được tách ra khỏi tro được tái sử dụng lại cho ngành công nghiệp có sử dụng than để đốt lò. Tiếp đến là lọc hút chân không nhằm tách nước ra khỏi tro bay giảm độ ẩm chỉ còn khoảng từ 15

đến 17 % (dùng làm phụ gia cho ngành sản xuất xi măng, vật liệu không nung,... hoặc đưa vào sấy khô về độ ẩm 0% dùng làm phụ gia cho ngành bê tông...), nước sau khi tách khỏi tro bay được bơm tái tuần hoàn trả về nhà máy điện để phục vụ sản xuất. Cuối cùng là phần sấy để đưa độ ẩm trong tro bay từ 15 đến 17% về dưới 1% bằng hệ thống lò sấy cánh vẩy tự động đảm bảo môi trường. Sản phẩm tro bay sau sấy được dùng làm phụ gia cho ngành bê tông, vật liệu xây dựng...

Việc thiết kế, chế tạo, lắp ráp và đưa vào vận hành thành công dây chuyền xử lý tro xỉ đã góp phần vào việc phát huy nội lực khoa học công nghệ trong nước về phát triển công nghệ xử lý chất thải cho các ngành công nghiệp sản xuất điện, sản xuất phân bón hóa chất, thép và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng trong nước; tạo ra sự chủ động trong việc xây dựng các nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ trong nước, không phải nhập khẩu máy móc thiết bị nên cũng góp phần tiết kiệm ngoại tệ và nâng cao khả năng sản xuất thiết bị cho ngành cơ khí trong nước; tiết kiệm diện tích đất dùng làm bãi chứa chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo thêm nguồn thu từ bán các sản phẩm đã được xử lý, tăng hiệu quả đầu tư của các dự án; sử dụng tối đa các loại phế liệu từ sản xuất công nghiệp để làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng, từng bước hạn chế và dừng việc nhập khẩu loại phế liệu công nghiệp này, góp phần tiết kiệm ngoại tệ, giảm nhập siêu; hình thành thị trường mua bán chất thải đã được xử lý để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, coi chất thải từ công nghiệp sản xuất điện, hóa chất là một loại nguyên liệu thay thế tài nguyên, từ đó tiết kiệm được nguồn tài nguyên khi phải khai thác để dùng sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, bê tông, vật liệu không nung; tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và bảo vệ môi trường và góp phần thúc đẩy nhận thức cho toàn xã hội về việc phải

giải quyết xử lý các chất thải nói chung và chất thải rắn nói riêng để tạo ra sản phẩm có ích cho xã hội.

Theo đại diện lãnh đạo Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, thành công của Công ty trong lĩnh vực xử lý môi trường có được là nhờ hợp tác một cách toàn diện với các viện nghiên cứu, các nhà khoa học để đưa các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn cuộc sống.

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam nhận định, Việt Nam đang trong quá trình đô thị hóa và hàng năm sử dụng một lượng vật liệu xây dựng lớn. Riêng

mặt hàng gạch ngói đã lên tới 20 - 24 tỷ viên gạch đất sét nung mỗi năm. Bộ Xây dựng đã rất quyết liệt trong việc trình Chính phủ cơ chế thực hiện việc xử lý tro xỉ thải của các nhà máy nhiệt điện làm vật liệu xây không nung. Về lâu dài, phải coi phế thải của một số ngành công nghiệp hiện nay là nguồn nguyên liệu cho một số ngành khác, trong đó có vật liệu xây dựng. Dây chuyền sản xuất kiểu này có giá trị thực tiễn lớn, góp phần bảo vệ môi trường cho địa phương và đem lại hiệu quả kinh tế.

Minh Tuấn

Hiện trạng và triển vọng phát triển ngành công nghiệp xi măng Nga

Công nghiệp sản xuất xi măng của Nga hiện nay cần được tái cơ cấu mạnh mẽ, bao gồm cả việc chuyển đổi đại bộ phận các cơ sở, nhà máy sản xuất xi măng theo công nghệ lò quay phương pháp ướt sang phương pháp khô, cũng như các giải pháp tiết kiệm năng lượng khác.

Dự kiến từ năm 2015 - nếu việc thực hiện chiến lược phát triển ngành công nghiệp xi măng không gặp các vướng mắc thực sự nghiêm trọng, và tất cả các dự án đều được thực hiện thành công - các nhà máy xi măng của Nga có thể sản xuất ít nhất 80 triệu tấn xi măng/ năm. Hiện tại, đã có 16 dự án thiết kế và đưa vào vận hành dây chuyền công nghệ nung "khô" tổng công suất hơn 28 triệu tấn/ năm. Nhiều nghiên cứu về nguyên liệu đầu vào đã được tiến hành, nhiều đơn đặt hàng các trang thiết bị từ các nhà sản xuất nước ngoài đã được thực hiện. Và trong vòng 1 - 3 năm nữa, 07 dây chuyền mới ứng dụng công nghệ "khô" sẽ tiếp tục được đưa vào sử dụng.

Các số liệu thống kê cho thấy: Công suất sản xuất xi măng năm 2013 của Nga đã vượt 101 triệu tấn, việc sử dụng xi măng đứng ở mức 65%. Trên thế giới ngoài Nga hiện nay chỉ có Trung Quốc, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Ấn Độ là

vẫn duy trì tốc độ phát triển ổn định của ngành, đồng thời rất quan tâm tới việc phát triển thị trường xi măng ở nước ngoài.

Việc bán phá giá sản phẩm xi măng của các nhà sản xuất nước ngoài là nguy cơ trước tiên đối với sự phát triển của công nghiệp xi măng Nga trong tương lai. Trên thị trường nội địa, giá bán xi măng cho các nhà xây dựng Nga khoảng 80 - 85 USD/tấn chưa tính chi phí vận chuyển. Để đảm bảo việc hoàn vốn của các dự án đầu tư được thực hiện trong vòng 10 năm nữa, cần làm sao để giá xi măng tại các nhà máy mới không vượt ngưỡng 105 - 110 USD/ tấn.

Quy chế thương mại của WTO quy định: Bán phá giá là việc bán sản phẩm trên thị trường bên ngoài theo giá thấp hơn giá của thị trường nội địa. Theo phân tích của các nhà kinh tế, nếu xi măng Thổ Nhĩ Kỳ trên thị trường Nga được cung cấp với mức giá 75 - 78 USD, nếu trừ đi chi phí vận chuyển thì giá xi măng tại các cảng của Thổ Nhĩ Kỳ không cao hơn 63 - 65 USD (tại Thổ Nhĩ Kỳ, 01 tấn xi măng có giá 110 USD). Xi măng Iran thậm chí còn được chào bán với giá không cao hơn 40 - 45 USD/ tấn, đã tính phí vận chuyển. Trong việc bán phá giá, nước nhập khẩu sẽ được hưởng lợi, bởi vì nhờ

việc gia tăng khối lượng mua bán, mức tải công công suất riêng của các nhà máy sẽ được bảo đảm. Vậy tại sao các nhà sản xuất Nga không áp dụng phương thức này?

Cần ghi nhận một điều là tại các nước như Iran và Trung Quốc, xi măng có giá thấp do được Chính phủ hỗ trợ mạnh mẽ bằng cách bán nhiên liệu và điện cho các nhà sản xuất với giá ưu đãi. Bên cạnh đó, chi phí nhân công tại các nước này thấp hơn so với các nước khác cùng sản xuất xi măng.

Để bảo hộ công nghiệp xi măng Nga, Chính phủ cần đề ra những chính sách khôi phục thuế nhập khẩu xi măng; đẩy mạnh việc xây dựng các dây chuyền công nghệ mới theo phương pháp “khô” có sử dụng các máy móc cho năng suất cao và các phương tiện kiểm tra, giám sát toàn bộ quy trình sản xuất.

Một vấn đề nữa là xi măng nhập khẩu có chất lượng thấp, không đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết. Theo Ủy ban An toàn Xây dựng Nga, xi măng nhập khẩu không phù hợp với các thông số để sản xuất các kết cấu bê tông, đặc biệt là bê tông ứng dụng vào phần ngầm của các công trình, trong điều kiện khí hậu luôn biến đổi tại nhiều vùng miền. Sự khắc nghiệt của thời tiết có thể khiến cường độ các kết cấu bê tông nhanh chóng suy giảm, xuất hiện các hiện tượng biến dạng, dẫn đến nguy cơ sập đổ công trình.

Do vậy, chúng nhận bắt buộc đối với tất cả các loại xi măng nhập khẩu là rất cần thiết. Để chúng nhận chất lượng cho các loại xi măng nhập khẩu tại Nga, rất cần có sự tham gia của các viện nghiên cứu khoa học, mà trước hết là Viện Nghiên cứu Khoa học Quốc gia về xi măng của Nga.

Cuối cùng, một vấn đề cũng không kém phần cấp thiết đối với ngành sản xuất xi măng là cần hiện đại hóa các lò quay đang sản xuất theo phương pháp “ướt” bằng cách lắp đặt lại các thiết bị trao đổi nhiệt hiệu quả, và thực hiện việc tái cơ cấu triệt để các nhà máy đang hoạt

động theo phương pháp “ướt” bằng cách chuyển đổi trực tiếp các lò quay công suất lớn sang lò quay phương pháp “khô”.

Hiện trạng ngành sản xuất xi măng Nga

Thực trạng ngành xi măng nói riêng cũng như ngành xây dựng Nga nói chung được xác định bởi khối lượng sản xuất, tốc độ tăng trưởng và cơ cấu đầu tư của nền kinh tế cả nước.

Theo các số liệu của Ủy ban Thống kê Nhà nước, số tiền đầu tư vào vốn cơ bản của các doanh nghiệp dưới mọi hình thức trên toàn Nga trong năm 2013 là 13,3 nghìn tỷ rúp (mức tăng trưởng trong năm là 5,5%).

Vốn đầu tư cho sự phát triển cơ sở của ngành xây dựng xấp xỉ 175,7 so với 147,0 triệu rúp năm 2012; mức tăng giá hiện hành là 19,52% so với năm 2012; tổng vốn đầu tư cho sản xuất xi măng chiếm 1,9% so với 1,7% của năm 2012 trong khối lượng vốn đầu tư chung của nền kinh tế.

Vốn đầu tư trong quỹ cơ bản của các doanh nghiệp xi măng năm 2013 đã tăng tương đối và vượt ngưỡng 30 tỷ rúp. Nhờ các khoản đầu tư xây mới và cải tiến thiết bị công nghệ cơ bản, trong năm 2013, tình hình sản xuất xi măng của Nga đã được cải thiện và đạt 55% thị phần quỹ hoạt động cơ bản, giảm chỉ số hao mòn của quỹ sản xuất cơ bản xuống còn 32%, riêng với máy móc thiết bị còn 33%. Và trong bối cảnh sản xuất xi măng của thế giới đạt mức tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây Nga luôn nằm trong top các nước hàng đầu.

Hiện nay tại Nga có 59 nhà máy xi măng hoạt động, trong đó 51 nhà máy sở hữu dây chuyền sản xuất khép kín, với tổng công suất 101 triệu tấn xi măng/ năm.

Nguồn cung tăng bởi nguồn cầu của Nga tăng mạnh. Trong vòng 10 năm gần đây (từ 2003 - 2013), nhu cầu tiêu thụ xi măng của Nga đạt mức tăng đều đặn hàng năm từ 7 - 10%, thậm chí cả trong thời kỳ suy thoái. Dự báo đến năm 2020, mức tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ xi măng của Nga không thấp hơn 8%/ năm.

Năm 2013, Nga sản xuất 66,5 triệu tấn xi măng - đạt mức tăng trưởng 7,8% so với năm 2012. Thị phần xi măng sản xuất theo phương pháp “khô” và “bán khô” đạt 31,7% tổng lượng xi măng sản xuất trong cả nước (tăng 5,7% so với năm 2012), trong khi đó, thị phần xi măng sản xuất theo phương pháp “ướt” giảm từ 73,5% xuống 68,3%. Tại 36 nhà máy sản xuất xi măng theo công nghệ “ướt” năm 2013 đã sản xuất tổng cộng 45,4 triệu tấn xi măng - ít hơn 0,2 triệu tấn so với năm 2013.

Các chỉ số kinh tế - kỹ thuật của ngành công nghiệp xi măng Nga sau khi quốc gia này gia nhập WTO cần được nâng cao hơn - nhất là các chỉ số về giá, giá thành, chất lượng và phân loại sản phẩm. Chính các con số này cho thấy sự cạnh tranh quyết liệt giữa xi măng trong nước và xi măng nhập khẩu.

Nắm bắt thành công trên thị trường nội địa - nếu thiếu sự hỗ trợ của nhà nước, cũng như thiếu sự bảo hộ dưới hình thức đánh thuế đối với xi măng nhập khẩu - sẽ là một nhiệm vụ bất khả thi; ngay cả trong trường hợp các nhà máy xi măng trong nước ứng dụng nguyên liệu đầu vào chất lượng cao để sản xuất clanhke xi măng (đá vôi, sét có hàm lượng nhôm cao hoặc chất thải công nghiệp dạng bùn cặn nefelin có thành phần kiềm thấp). Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này ở chỗ: Thiết bị công nghệ cơ bản đang được áp dụng tại hầu hết các nhà máy xi măng Nga hiện nay là lò nung, máy nghiền so với các thiết bị hiện đại sử dụng trong các dây chuyền sản xuất xi măng của các nước phát triển như Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đức, Mỹ... đều có công suất thấp hơn. Điều này khiến chi phí sản xuất xi măng tăng lên. Song nguyên nhân thực sự là sự lạc hậu về công nghệ sản xuất và sự phát triển còn non kém của ngành chế tạo máy cơ sở trong nước.

Sự tiêu hao điện năng cho 01 tấn sản phẩm (tiêu hao điện năng riêng) để sản xuất xi măng cũng có ý nghĩa quan trọng. Theo chương trình phát triển kinh tế của đất nước đã được Bộ Phát

triển vùng Liên bang Nga thông qua trong “Chiến lược phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng đến năm 2020”, ngành xi măng cần gia tăng việc sản xuất sản phẩm này theo các hướng sau:

- Xây mới các nhà máy sản xuất xi măng theo công nghệ “khô”;

- Thực hiện chuyển đổi theo từng giai đoạn các lò quay phương pháp “ướt” sang “bán khô”, tiếp theo là “khô” nhằm bảo đảm giảm từ 30 - 50% tiền vốn đầu tư cho mỗi tấn sản phẩm (theo tính toán, vốn đầu tư cho 01 tấn xi măng tới 230 - 250 USD nếu sản xuất theo công nghệ “ướt”, do đó cần giảm giá thành sản xuất clanhke và xi măng của các nhà máy theo công nghệ này);

Việc chuyển đổi này hiện đã được thực hiện tại nhà máy xi măng Serebniakovsk. Trên thế giới, Nhật Bản là quốc gia đầu tiên, sau đó là tất cả các nước phương Tây, chuyển sang sản xuất xi măng theo công nghệ “khô” từ những năm 70 thế kỷ XX;

- Các nhà máy xi măng gần mỏ than, nhất là vùng Siberi, trong vòng 2 - 3 năm tới được bổ sung thêm các phân xưởng than đá, và chuyển đổi sang sử dụng than đá, ứng dụng các thiết bị sản xuất trong nước;

- Các lò quay theo công nghệ “ướt” cần được trang bị thêm các thiết bị khử cac bon, trong đó có thể nung các nhiên liệu cứng, than đá, chất thải sinh hoạt, chất thải dầu mỡ... nhằm tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao năng suất và giảm tiêu hao nhiên liệu riêng;

- Lắp đặt thêm các phễu nguyên liệu đầu vào cho loại nguyên liệu thứ hai là tro xỉ thải để nâng cao năng suất và giảm sự tiêu hao nhiên liệu riêng khi nung clanhke trong lò quay theo công nghệ “ướt” trong các nhà máy nằm gần các nhà máy luyện kim và nhà máy nhiệt điện. Thiết bị này được Viện Nghiên cứu khoa học quốc gia về xi măng Nga nghiên cứu chế tạo, lắp đặt thử nghiệm tại một số nhà máy và cho kết quả khả quan khi cải thiện năng suất các tổ

máy của lò tới 20%, đồng thời giảm tiêu hao nhiên liệu riêng tới 10%;

- Mở rộng việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu nhân tạo làm nguyên liệu và các chất phụ gia khi nghiền phối liệu xi măng. Kinh nghiệm sản xuất trong nước cho thấy: việc gia tăng thành phần chất phụ gia trong phối liệu xi măng từ 10 - 15% tuy không được phản ánh trên chỉ số chất lượng xi măng, song giá thành có thể giảm nhờ lượng clanhke bị tiêu hao để sản xuất xi măng giảm;

- Cần ứng dụng rộng rãi các nhiên liệu thay thế, trong đó có chất thải dầu mỡ, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải ngành công nghiệp chế biến gỗ... để giảm sự tiêu hao nhiên liệu trên mỗi tấn sản phẩm.

Dự báo phát triển của ngành xi măng Nga trong tương lai

Trong giai đoạn từ nay tới năm 2025, thị trường xi măng nội địa của Nga sẽ sôi động hơn, đặc biệt là giai đoạn cho tới năm 2020 - khi mà nhu cầu tiêu thụ loại vật liệu này được xác định chủ yếu bằng nhu cầu của nền kinh tế Nga nói chung cũng như nhu cầu tiêu thụ của từng vùng miền với các đặc điểm khí hậu khác nhau (khu vực Viễn Đông, Siberi, Uran...), nhằm đảm bảo xây dựng đường sá, các công trình công nghiệp mới và các công trình phục vụ World Cup 2018. Nhìn chung, nhu cầu đối với xi măng của Nga từ nay cho tới năm 2025 có thể đạt ít nhất 60 triệu tấn, tức là gần gấp 2 lần so với chỉ số của năm 2013 (khoảng 125 - 130 triệu tấn - với mức tăng trưởng trung bình trong 5 năm đầu tiên, và tương ứng từ 90 - 150 triệu tấn với mức tăng nhu cầu nhiều hơn cho đến năm 2025). Thị phần xi măng sản xuất theo công nghệ "khô" có thể chiếm tới 75 - 80%; còn thị phần xi măng sản xuất theo công nghệ "ướt" sẽ giảm từ 68,3% (năm 2013) xuống còn 20,25% (năm 2025). Việc thực hiện các dự án xây mới nhà máy và dây chuyền công nghệ sản xuất xi măng cho phép không những đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của thị trường nội địa

Nga, mà còn có thể xuất khẩu tới 5,5 triệu tấn.

Để thực hiện các mục tiêu trên, ngành công nghiệp sản xuất xi măng Nga cần thực hiện các giải pháp phát triển ngành, đồng thời thiết lập các điều kiện thúc đẩy sự phát triển ngành trong tương lai.

Ngành xi măng Nga cần một loạt biện pháp (được cấp nhà nước thông qua) về việc tăng cường hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp dưới mọi hình thức sở hữu. Trong những biện pháp hàng đầu, cần chú trọng sự điều chỉnh các chỉ số xây dựng dưới hình thức các đơn đặt hàng của nhà nước, các quy định, dự báo, định mức giá trần của thương phẩm; sự giám sát của các cơ quan hữu trách nhà nước đối với việc thực hiện các chương trình đầu tư và chất lượng sản phẩm.

Những định hướng ưu tiên đối với sự phát triển ngành công nghiệp xi măng Nga

Công nghiệp xi măng Nga là lĩnh vực cơ bản trong toàn bộ cơ cấu ngành xây dựng, có ý nghĩa to lớn đối với hiện trạng và sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, và giải quyết một loạt vấn đề xã hội quan trọng, như xây dựng nhà ở, các công trình y tế, giáo dục, công trình dân sinh và công trình công cộng... Những định hướng cơ bản trong việc phát triển sản xuất xi măng của Nga là:

- Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, tái cơ cấu các nhà máy nhằm cải tiến cơ sở, đưa thị phần xi măng sản xuất theo công nghệ khô lên 80 - 85% trong thời hạn quy định;

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả; đáp ứng nhu cầu của ngành xây dựng về chủng loại và các đặc tính kỹ thuật của xi măng;

- Đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ chuyên gia trong ngành;

- Giảm phát thải khí độc hại, cải thiện điều kiện lao động;

- Củng cố tiềm năng xuất khẩu;

- Chuẩn bị bước chuyển đổi sang việc sử

dụng than và chất thải có thành phần nhiên liệu như nhiên liệu công nghệ đối với các nhà máy sản xuất xi măng;

- Trang bị lại, đổi mới cơ sở máy móc của Nga, tổ chức sản xuất các thiết bị máy móc phục vụ ngành sản xuất xi măng thế hệ mới;

- Hoàn thiện việc bố trí sản xuất xi măng tại các chủ thể Liên bang;

- Nâng cao hiệu quả sản xuất và hiệu quả cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, thông qua việc đẩy mạnh quy trình đổi mới công nghệ;

Các định hướng nêu trên đều cần thực hiện trong giai đoạn sửa chữa cơ bản các thiết bị máy móc.

Một trong những định hướng đảm bảo mức tăng trưởng sản xuất xi măng mà không cần vốn đầu tư lớn, trong tương lai gần có tính khả thi cao là việc đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ mới vào quy trình sản xuất tại các nhà máy xi măng hiện hành. Bao gồm các nhà máy sản xuất theo công nghệ khô và công nghệ ướt, qua đó có thể gia tăng năng suất của không chỉ các thiết bị công nghệ cơ bản, mà còn nâng cao năng suất lao động tương ứng, giảm tiêu hao năng lượng riêng để sản xuất xi măng. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm của Viện nghiên cứu khoa học quốc gia về xi măng của Nga. Viện đã thực hiện nhiều nghiên cứu đối với than cốc dầu mỏ với tính chất là nhiên liệu thay thế cho nhiên liệu tự nhiên, và đi đến kết luận: việc nung than cốc không phải bằng ngọn lửa trong khu vực nung clanhke bên trong các lò quay, mà trong tầng vật liệu nguyên liệu được nung tới nhiệt độ 850 - 1.100°C sẽ hợp lý nhất. Khi nung ở mức nhiệt như vậy, quá trình trao đổi nhiệt giữa vật liệu nguyên liệu và nhiên liệu diễn ra mạnh và nhanh gấp hàng chục lần.

Hidro và ô xit các bon được phân tách từ than cốc nếu không có đủ ô xi trong tầng vật liệu nguyên liệu sẽ tự thiết lập một môi trường hồi phục có thể đẩy mạnh hơn quá trình phân hủy CO₂ của nguyên liệu.

Việc đẩy mạnh các quy trình chuẩn bị phối

liệu cho xi măng cho phép nâng cao công suất lò, tuổi thọ của lớp lót chịu lửa; giảm tiêu hao nhiên liệu riêng để nung clanhke nhờ vào việc giảm nhiệt độ của khí đốt thoát ra từ các lò; giảm sự thất thoát nhiệt từ lò ra môi trường xung quanh; giảm sự phát thải CO₂ và NO_x, đồng thời ổn định hoạt động của các tổ máy lò.

Năng lực phản ứng của cốc dầu mỏ cao hơn khoảng 18% so với cốc luyện kim. Than cốc luyện kim đắt hơn nhiều so với cốc dầu mỏ (đặc biệt là cốc có hàm lượng sunfur cao).

Các nghiên cứu đều cho thấy: Tuy có một số hạn chế trong việc ứng dụng than cốc dầu mỏ (liên quan tới các hạn chế về thành phần SO₃ trong clanhke và xi măng), trong lò quay phương pháp khô và ướt có thể nung từ 25 - 40% cốc, thậm chí cả cốc dầu mỏ hàm lượng sunfur cao với thành phần lưu huỳnh trong than cốc "khô" tới 7,5%. Với thành phần lưu huỳnh tới 4%, kết hợp với chất kết tủa SO₃ có mặt trong thành phần đá vôi nguyên liệu có thể nung tới 80 - 90% cốc. Với thành phần lưu huỳnh như vậy, tổng thành phần SO₃ trong hỗn hợp lưu huỳnh không được phép vượt 1%.

Đến năm 2016, nhu cầu than cốc dầu mỏ cho sản xuất xi măng của Nga có thể vượt mức 3 triệu tấn/năm. Với khối lượng đó, và với sự chênh lệch giá giữa khí đốt tự nhiên và cốc dầu mỏ thì hiệu quả kinh tế hàng năm đã lên tới hơn 8 tỷ rúp, chỉ riêng thông qua việc thay thế 25 - 40% lượng khí đốt bằng than cốc, có tính toán chi phí để hiện đại hóa các lò, các hệ thống tiếp nhận và chuẩn bị than cốc. Việc hoàn vốn xây dựng hệ thống tiếp nhận, chuẩn bị và nung than cốc dầu mỏ có thể sau khoảng thời gian 1,5 - 2 năm. Trong trường hợp nung 60 - 80% lượng than cốc thay thế cho khí đốt đối với các nhà máy lớn, thời gian hoàn vốn sẽ dưới 1 năm. Chi phí khai thác cũng không quá lớn. Để phục vụ cả hệ thống chỉ cần thêm 2 - 3 công nhân làm việc theo ca.

Nếu đảm bảo giá nguyên liệu trong thời kỳ đầu sử dụng than cốc dầu mỏ thì ngành công

nghiệp xi măng Nga - với việc ứng dụng kinh nghiệm của các quốc gia phương Tây đang sử dụng than cốc một cách rộng rãi - có thể sẽ tích cực áp dụng loại nhiên liệu vô cùng hiệu quả này. Xét từ quan điểm của các nhà kinh tế, việc đẩy nhanh quá trình nung than cốc trong lò quay phương pháp ướt khi hiện đại hóa các lò thì hiệu quả kinh tế mà Nga đạt được có thể lên tới 20 tỷ rúp mỗi năm.

Lắp đặt các lò theo hướng hiện đại hóa và chuẩn bị than cốc trước khi đưa vào lò không

phải là quy trình phức tạp, có thể tiến hành lắp đặt trong giai đoạn sửa chữa lò, và có thể thực hiện bởi chính các nhà máy xi măng hoặc các doanh nghiệp chế tạo máy trong nước với sự góp mặt của Viện Nghiên cứu khoa học quốc gia về xi măng Nga.

V.Kulabukhov & G.Vasilik

*Nguồn : Báo Xây dựng Nga số 17
(ngày 23/4/2014)*

ND: Lê Minh

Thành phố Thành Đô thí điểm biến rác thải xây dựng thành sản phẩm hữu ích trong xây dựng

Trong quá trình cải tạo thành phố cũ hay làm đường giao thông, đều có một số lượng lớn rác thải xây dựng được thải ra, từ lượng rác thải đó, các bộ phận có liên quan lại phải mất nhiều thời gian và công sức để phân loại và xử lý. Thấu hiểu được nỗi lo lắng và vất vả đó, mới đây thành phố Thành Đô đã tìm ra phương pháp mới, có thể xử lý những loại rác thải xây dựng này, trong đó đến 95% được sử dụng lại, biến chúng thành những viên gạch tái chế, làm cốt liệu bê tông và thành nhiều vật liệu xây dựng khác.

Tác giả bài viết đã đến trấn Tà Nguyên, huyện Đại Áp - thành phố Thành Đô để mục sở thị công nghệ mới này.

I. Khái quát tình hình

Hiện nay, thành phố Thành Đô đang trong giai đoạn thúc đẩy tiến trình đô thị hóa, nên việc cải tạo đô thị, làm đường giao thông, các dự án đào lấp diễn ra hàng năm đồng thời cũng kéo theo một lượng lớn rác thải xây dựng được thải ra và số lượng rác này cũng không phải dễ dàng xử lý. Theo thống kê, lượng rác được thải ra trong quá trình cải tạo đô thị, làm đường... có thể đạt tới con số 25 triệu m³. Tuy nhiên, hầu hết số rác thải này đều không thông qua xử lý, mà trực tiếp chở đến các khu vực ngoại thành, rồi tiến hành chôn lấp hoặc đổ đống ngoài trời,

việc làm này đã gây bất lợi lớn trong công tác bảo vệ môi trường.

Tính đến nay, đến 90% rác thải xây dựng được xử lý bằng phương pháp chôn lấp và tỷ lệ tái chế nguồn tài nguyên này còn đạt chưa đến 5%. Liệu có ai nghĩ đến việc chôn lấp hay chất đống loại rác thải này sẽ gây ảnh hưởng như thế nào tới môi trường? Biện pháp chôn lấp không chỉ gây lãng phí nguồn tài nguyên đất, mà còn làm lãng phí nguồn tài nguyên có thể tái chế. Nên bằng cách nào để đảo ngược tình hình, xử lý được vấn đề rác thải xây dựng làm ảnh hưởng tới môi trường sinh thái, thúc đẩy đô thị có thể duy trì phát triển? Trong quá trình giải quyết vấn đề này, thành phố Thành Đô đã tìm ra giải pháp.

II. Thành Đô thí điểm biến 95% rác thải xây dựng thành những vật liệu hữu ích

Tháng 01/2014, Thành Đô đã đề ra "Phương án xây dựng xanh cho thành phố Thành Đô". Nội dung của Phương án đã nêu rõ cần chú trọng tới việc tái chế nguồn rác thải xây dựng; đảm bảo hệ thống trách nhiệm xử lý rác thải xây dựng; khuyến khích các địa phương trong khu vực, tùy thuộc vào điều kiện của mình sử dụng chất thải xây dựng làm vật liệu tường; Các bộ phận tham gia cải tạo đô thị, xây dựng, cần liên kết với nhau để phân loại xử lý rác thải và

tái chế; đối với những khu vực ven đô và ngoại đô, cần kết hợp với thực tế thực hiện tốt công tác xử lý rác thải xây dựng và tận dụng; đối với những khu đô thị sinh thái và đô thị thấp carbon cần có cơ sở tập trung xử lý, tối đa hóa việc xử lý an toàn và tái chế rác thải xây dựng.

Phương án cũng đề ra, đến năm 2015, cơ bản sẽ tập trung xử lý các khu đô thị sinh thái và thấp carbon, đảm bảo không phát thải rác, tỷ lệ tận dụng nguồn tài nguyên rác thải xây dựng sẽ đạt trên 90%.

Do đó, để đảm bảo công tác xây dựng xanh, Ủy ban xây dựng thành phố Thành Đô đã chọn trấn Tà Nguyên làm nơi thí điểm thành thị trấn thấp carbon, sẽ là nơi trình diễn công nghệ tái chế rác thải xây dựng. Dự tính, tỷ lệ xử lý rác thải xây dựng của trấn Tà Nguyên sẽ đạt 95%, mục tiêu cơ bản đạt được là không phát thải. Được biết hiện nay, việc tái chế rác thải xây dựng không chỉ góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh, mà còn tiết kiệm chi phí vận chuyển và chôn lấp.

Tại hiện trường dự án thí điểm xử lý rác thải xây dựng tác giả bài viết nhận thấy, so với các phương pháp xử lý rác thông thường, công nghệ thực hiện tại trấn Tà Nguyên hoàn toàn không giống: rác thải xây dựng không cần chuyển ra khỏi thị trấn, mà tập trung đổ đống



Các sản phẩm cốt liệu được tạo ra từ máy sàng lọc với số lượng hơn 4.000 m² chờ xử lý, hai cỗ máy rất lớn được đặt ở hai bên đang không ngừng thực hiện xử lý rác thải xây dựng.

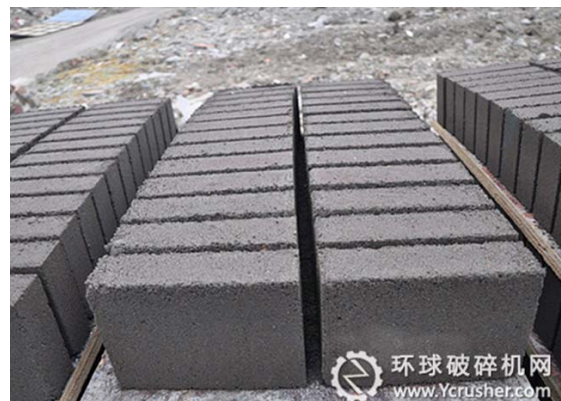
Hai cỗ máy đó là máy phân loại và nghiền,



Sau khi thông qua máy sàng, rác thải đã thành cốt liệu tái chế có đường kính 10 - 20 mm

máy còn lại là sàng lọc. Máy nghiền có tính năng nghiền tự động các chất thải xây dựng, sau đó tự động trực tiếp chuyển sản phẩm nghiền đến máy sàng lọc.

Sau khi thông qua các khâu xử lý, tiếp đến sẽ chuyển các sản phẩm ra bên ngoài thông



Sản phẩm gạch từ cốt liệu tái chế

qua 4 cửa ra. 4 loại sản phẩm tái chế phân biệt đó là: vật liệu bột, cốt liệu mịn, cốt liệu cỡ vừa và cốt liệu thô.

Hai cỗ máy lớn hoạt động đồng thời, nhanh chóng biến rác thải xây dựng thành vật liệu xây dựng tái chế có thể dùng để trải thảm khi làm đường giao thông, trải móng trong xây dựng, gạch xây, cốt liệu bê tông...

Thông qua dây chuyền xử lý nghiền, sàng lọc đã tạo ra những sản phẩm tái chế với chất

lượng cao, có thể trực tiếp đưa vào sử dụng. Theo Tổng Giám đốc Lưu Vĩnh Vĩ, Công ty Công nghệ môi trường Nhuận Long - đơn vị thực hiện dự án thí điểm tái chế rác thải xây dựng tại trấn tà Nguyên cho biết, với công nghệ này, 95% rác thải xây dựng đều được tái sử dụng, đồng thời cũng phù hợp với những yêu cầu của quốc gia liên quan tới vật liệu xây dựng.

Bí thư Đảng ủy trấn Tà Nguyên - Trường Niên cũng chia sẻ thêm với tác giả bài viết: Công tác tái chế rác thải xây dựng mới chỉ là bước đầu để xây dựng những thị trấn thấp cacbon. Trong tương lai, tùy thuộc vào điều kiện các khu vực sẽ còn sử dụng một loạt các biện pháp và công nghệ xanh để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa xây dựng, tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, vật liệu xanh, thi công xanh, cơ sở hạ tầng xanh, phục hồi sinh thái... làm sao để đưa khái niệm xanh, thấp cacbon vào trong suốt quá trình xây dựng.

III. Các sản phẩm vật liệu tái chế cần có giấy chứng nhận tiêu chuẩn quốc gia

Thông qua công nghệ nghiền, sàng lọc và tạo ra vật liệu xây dựng tái chế, tuy nhiên các chỉ số liên quan về cường độ của nó so với các nguyên liệu tự nhiên có khác nhau không? Điều này được hiểu rằng, từ năm 2010, các tiêu chuẩn sản phẩm quốc gia như: “Bê tông sử dụng cốt liệu thô tái chế”, “Bê tông và vữa sử dụng cốt liệu mịn tái chế” và “Quy trình công nghệ ứng dụng cốt liệu tái chế”, 3 tiêu chuẩn này đều được ban hành và giúp lấp đầy hệ thống tiêu chuẩn mà Trung Quốc đã thiếu trong một thời gian dài.

Giáo sư Trần Gia Lung - Phó Chủ nhiệm ủy ban Thường vụ Quản lý hoạt động tái chế rác thải xây dựng Trung Quốc cho biết, hiện nay, Trung Quốc đã ban hành tiêu chuẩn đối với sản phẩm cốt liệu tái chế và ứng dụng, đã có hơn 10 tiêu chuẩn được ban hành. Về cơ bản, sản phẩm cốt liệu thô, cốt liệu mịn tái chế và ứng dụng đều có quy định pháp lý phù hợp và hỗ trợ kỹ thuật khả thi, như vậy có thể đảm bảo chất

lượng sản phẩm và cả ứng dụng thực tế.

Theo Tổng Giám đốc Lưu Vĩnh Vĩ, do sự khác biệt của chất lượng rác thải bê tông, đồng thời, thông qua thao tác xử lý đơn giản bằng công nghệ hiện đại, tính năng của các cốt liệu tái chế cũng khác nhau, những sản phẩm này không ứng dụng trong xây nhà, nhưng có thể sử dụng làm vật liệu trải thảm đường, hay trải nền móng xây dựng những công trình như quảng trường chẳng hạn... Để nâng cao chất lượng cũng như tính năng bê tông tái chế, cần thực hiện tốt khâu xử lý, cụ thể thông qua việc cải thiện hình dạng hạt cốt liệu và loại bỏ những cốt liệu tái chế có bề mặt bị xi măng bám cứng, nâng cao tính năng cốt liệu.

Khi vào tham quan phòng thực nghiệm tại hiện trường diễn ra dự án thí điểm công nghệ, tác giả còn thấy, những cốt liệu tái chế có đường kính từ 4 cm - 0,1 cm đều được bày theo thứ tự, trước mỗi đồng cốt liệu tái chế đều có bảng giới thiệu tiêu chuẩn. Tổng Giám đốc Lưu Vĩnh Vĩ còn nói thêm: tiêu chuẩn quốc gia đã có, vật liệu tái chế cũng có, thì ắt phải có giấy chứng nhận cho sản phẩm này khi đưa ra thị trường. Mỗi một lô sản phẩm sau khi đã hoàn thành đều phải qua khâu kiểm tra, xem các sản phẩm có phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia.

IV. Chính phủ cần tăng cường chỉ đạo việc xử lý và tái chế rác thải xây dựng

Trước năm 2008, Tỉnh Tứ Xuyên không có một doanh nghiệp xử lý rác thải xây dựng nào. Hầu hết rác thải xây dựng được xử lý bằng phương pháp chôn lấp hoặc chôn lấp, nhất là sau vụ động đất tại Vãn Xuyên vào ngày 12/5, Công ty Công nghệ môi trường Nhuận Long đã phải dùng 3 cỗ máy nhập khẩu từ châu Âu để xử lý tái chế tại khu vực này. Tuy nhiên đến nay, Tứ Xuyên cũng chỉ có một nhà máy xử lý và tái chế rác thải xây dựng.

Từ tình hình thực tại có thể thấy, ở nước ngoài, việc xử lý và tái chế rác thải xây dựng đã được đưa vào sử dụng khá lâu và thành thực, còn Trung Quốc mới chỉ là bước đầu thực hiện.

Theo Giáo sư Trần Gia Lung, để thúc đẩy ngành công nghiệp này phát triển không phải là dựa vào vấn đề kỹ thuật, mà quan trọng là vấn đề chính sách. Rác thải xây dựng không phải là một hạng mục ngắn hạn, từ những kinh nghiệm của nước ngoài có thể thấy, sau khi đô thị phát triển đến một giai đoạn nhất định, nhất thiết sẽ phải giải quyết những vấn đề còn bất cập, càng sớm quan tâm và giải quyết sẽ càng có lợi cho sự phát triển của đô thị, nên rác thải xây dựng là vấn đề nan giải hiện nay mà không được quan tâm, thì về sau sẽ phải cấp bách để giải quyết. Hiện nay, Trung Quốc cần phải xử lý và tái chế rác thải để giúp Trung Quốc trở thành một đô thị tốt hơn, đây là công việc bắt buộc phải làm, tuy nhiên nó lại không được các doanh nghiệp chủ động thực hiện. Trên thực tế, tuy gọi là rác thải xây dựng nhưng nó không phải là rác, mà là nguồn tài nguyên, thậm chí

nó còn là vật liệu vô hại, gắn gũi với con người trong nhiều thập niên. Do đó, Chính phủ cần tận dụng lợi thế của rác thải xây dựng mà giải quyết tình hình rác thải ngày một tăng lên như hiện nay.

Giáo sư Trần Gia Lung còn cho rằng, Chính phủ phải đứng ra chỉ đạo sâu sát công tác tái chế rác thải xây dựng, cần thiết lập cơ chế nghiêm ngặt, có các quy định bắt buộc, đảm bảo có nguồn cung vật liệu tái chế ổn định và chất lượng sản phẩm trên thị trường, như vậy mới có thể thúc đẩy công tác tái chế nguồn rác thải xây dựng phát triển.

Hùng Văn Dao - Tổng Diễm

Nguồn: <http://newsccn.com>

(ngày 2014-04-23)

ND: Bích ngọc

Những vấn đề trong việc đấu thầu dự án xây dựng có vốn đầu tư của nhà nước

Những quy định mang tính bắt buộc trong quá trình đấu thầu vẫn liên tục được nhắc tới trên thị trường xây dựng là “Công bằng, công khai và trung thực”. Tuy nhiên, thực tế là có nhiều vấn đề xảy ra khi tiến hành đấu thầu mà các nhà thầu và chủ đầu tư cố tình tạo ra làm ảnh hưởng đến sự minh bạch trong công tác đấu thầu, đặc biệt là các dự án đầu tư của Chính phủ. Qua nghiên cứu, tác giả bài viết đã nhận định 4 vấn đề tồn tại trong công tác đấu thầu công trình do nhà nước đầu tư như sau:

Nội bộ ngầm lựa chọn nhà thầu

Một là chia nhỏ hạng mục công trình, để tránh đấu thầu công khai. Người chịu trách nhiệm đấu thầu sẽ dựa vào quy định của luật pháp mà chia dự án thành các hạng mục nhỏ lẻ hoặc chia từng giai đoạn thực hiện gói thầu, làm sao vẫn đảm bảo các hạng mục đấu thầu là đạt tiêu chuẩn quy định, hợp pháp. Các hạng mục được chia nhỏ có thể là xây dựng, kết cấu, thi

công, hạng mục khác có thể là điện nước, trang trí nội ngoại thất, thiết bị công trình, lắp đặt trần sàn... Liên quan đến một dự án xây dựng còn có bộ phận khảo sát, thiết kế, giám sát, tư vấn cũng chỉ thông báo mời thầu ở phạm vi nhỏ. Những dự án đầu tư theo hình thức BT hoặc BOT rất thu hút doanh nghiệp xây dựng, chính vì thế quá trình mời thầu và đấu thầu luôn xảy ra vấn đề.

Thứ hai là nguy tạo hồ sơ giả, tiến hành đấu thầu ngầm. Một số đơn vị phụ trách dự án hoặc đơn vị chủ quản (Đơn vị mời thầu hợp pháp), căn cứ theo quy định mời thầu, đấu thầu nguy tạo hồ sơ ảo, mang tính hình thức nhưng vẫn hợp pháp, trong khi đó nội bộ đã ngầm lựa chọn đơn vị trúng thầu. Thậm chí có những đơn vị mời thầu chấp nhận rủi ro, vẫn tiến hành đấu thầu công khai, nhưng bằng hình thức nào đó, dù là nhà thầu nào trúng thầu sau đó cũng đều “tự nguyện” bỏ cuộc, và nhà thầu được lựa chọn

từ trước đương nhiên vẫn trúng thầu.

Ba là thiết lập ngưỡng hạn chế, cố tình gây khó dễ cho doanh nghiệp. Tùy từng dự án, và từng địa phương khác nhau mà hồ sơ và yêu cầu về tư cách của đơn vị tham gia đấu thầu được quy định khác nhau, chính vì thế vì lợi ích nào đó mà đơn vị tổ chức hoạt động đấu thầu cố tình đưa ra các yêu cầu để hạn chế, hoặc loại bỏ những đơn vị gây bất lợi cho quá trình tổ chức đấu thầu, thực hiện chính sách phân biệt đối xử, nhằm can thiệp vào kết quả đấu thầu, thậm chí khi nhà thầu trúng thầu, đơn vị tổ chức đấu thầu vẫn can thiệp gây áp lực để nhà thầu chính lựa chọn các thầu phụ khác.

Nhà thầu nào cũng mảnh khoe

Nhà thầu muốn trúng thầu cần phải có nhiều hành động linh hoạt để được tham gia bỏ thầu và nhận thầu, để có được hợp đồng, nhiều nhà thầu bất chấp không từ một thủ đoạn cạnh tranh nào để giành được hợp đồng.

Thứ nhất là hồ sơ năng lực của nhà thầu. Dựa vào năng lực, hồ sơ, các giấy tờ chứng nhận doanh nghiệp, năng lực cán bộ, công nhân viên, khả năng tài chính... tất cả đều có thể làm giả để thực hiện mục tiêu gian lận thầu để được trúng thầu; Một số công ty, doanh nghiệp, để phù hợp với yêu cầu mà đơn vị tổ chức đấu thầu đưa ra, đã không quản ngại sử dụng các mảnh khoe để có được giấy chứng nhận, bằng cấp hoặc giấy phép kinh doanh đúng tiêu chuẩn quy định.

Thứ hai là hối lộ. Con đường này được nhiều nhà thầu lựa chọn nhất, và cũng là cách nhanh nhất để được trúng thầu. Từ chủ đầu tư, các chuyên gia đánh giá hồ sơ thầu, đến người quản lý dự án... đều được chăm sóc tận tình, mọi hoạt động hối lộ đều diễn ra một cách âm thầm và có quy tắc, chính vì thế rất khó phát hiện được sai trái của doanh nghiệp khi tham gia đấu thầu.

Thứ ba là liên minh. Các nhà thầu nếu nhận thấy việc đấu thầu trở nên khó khăn sẽ tự động tìm cách liên minh thông đồng với nhau. Sau

khi thống nhất hồ sơ, dù doanh nghiệp nào trong khối liên minh được chọn thì các doanh nghiệp khác cũng đều được hưởng lợi, từ vị trí thầu chính cho đến thầu phụ.

Trăm phương ngàn kế tiếp cận dự án

Để có được hợp đồng chính thức, các nhà thầu phải có đầy đủ thông tin về dự án đấu thầu, nắm bắt được các yêu cầu và đơn vị chủ quản để có được những sự chuẩn bị đầy đủ và kỹ lưỡng khi tham gia đấu thầu. Chính vì thế, trong giới nhà thầu, luôn có những quy tắc mà nhà thầu nào cũng phải nắm vững.

Các dự án xây dựng có đầu tư của Chính phủ bao giờ cũng do cơ quan nào đó chịu trách nhiệm tổ chức đấu thầu, vì thế việc phê duyệt và quyết định đơn vị có thẩm quyền quyết định đấu thầu đều được các nhà thầu theo dõi sát sao, các mối quan hệ cá nhân được vận dụng để nắm bắt thông tin và tình hình.

Một số công ty, doanh nghiệp thay đổi tư cách pháp nhân để có được sự hậu thuẫn từ các thế lực chính trị ngầm. Mặc dù dự án được kiểm soát chặt chẽ, và có nhiều ban ngành cùng tham gia thẩm định hồ sơ thầu, nhưng vẫn có những kẽ hở mà các doanh nghiệp nắm bắt được để dễ dàng lọt qua.

Quản lý vụng về

Hệ thống quản lý hồ sơ đấu thầu không thống nhất. Chức năng của các phòng ban, trách nhiệm của người đứng đầu không rõ ràng, quản lý chồng chéo khó phân trách nhiệm, tình trạng quản lý hồ sơ thầu vẫn lộn xộn từ trước đến nay, tuy đã có nhiều văn bản chỉ đạo hướng dẫn từ cấp trên. Tuy nhiên, đối với các dự án xây dựng dù có hay không có vốn đầu tư của Chính phủ thì vẫn quản lý theo kiểu "phép vua thua lệ làng".

Trong quá trình xét duyệt hồ sơ thầu, khả năng chuyên môn và năng lực của đội ngũ đánh giá hồ sơ không được kiểm duyệt chặt chẽ, khó tránh khỏi tình huống nhiều người bị mua chuộc kết quả đánh giá xếp loại hồ sơ. Hơn nữa dù đấu thầu công khai, nhưng khâu

duyệt hồ sơ thì lại làm bí mật, do đó tính minh bạch và công bằng vẫn không được đảm bảo.

Hiện nay vẫn chưa có cơ sở pháp lý nào để đánh giá và quản lý một cách tối ưu đối với kết quả hoạt động mời thầu, trúng thầu. Chính vì thế rất khó để đánh giá kết quả trúng thầu có gian lận hay không, không có căn cứ để điều tra, và cũng không có chứng cứ để chứng minh trong quá trình mời thầu, đấu thầu có hành động phi pháp diễn ra. Cho nên, dù biết chắc trong quá trình đấu thầu, kết quả đấu thầu đã bị can thiệp,

nhưng những nhà quản lý vẫn chưa tìm ra được cách giải quyết, và các nhà thầu thì vẫn tiếp tục dùng mọi thủ đoạn để có được hợp đồng.

Trong tương lai, Chính phủ và các cơ quan chức năng cần phải đưa ra những quy định nghiêm minh và rõ ràng hơn để đảm bảo tính trong sạch và công bằng cho thị trường thầu.

Tuân Văn

Nguồn: <http://www.chinajsbc.cn>

ND: Quỳnh Anh

Vấn đề Thị dân hóa cho lao động nhập cư trong ngành Xây dựng Trung Quốc

Đô thị hóa là động lực lớn của nền kinh tế Trung Quốc trong tương lai, và cũng là một trong những trọng tâm phát triển kinh tế trong giai đoạn hiện tại của nước này. Trong các kỳ họp Quốc hội, Thủ tướng Lý Khắc Cường đã chỉ rõ, cần phải thúc đẩy đô thị hóa kiểu mới, lấy con người làm trung tâm, tập trung giải quyết vấn đề “Một trăm triệu dân”. Đây là kế hoạch mà Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra trong chiến lược phát triển đô thị hóa đến năm 2020, đưa một trăm triệu dân nông thôn trở thành công dân đô thị. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề dễ giải quyết, khi mà tiến trình đô thị hóa còn kéo theo những bất cập về nhà ở, giao thông, phúc lợi xã hội.

Năm 2005, Bộ Nhà ở - Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc đã ban hành văn bản số 131 có liên quan đến “Ý kiến về việc xây dựng và hoàn thiện chế độ hợp đồng lao động, định hướng phát triển doanh nghiệp lao động”, trong đó nêu rõ, tổng thầu thi công và các nhà thầu phụ phải có kế hoạch sử dụng lao động rõ ràng, các doanh nghiệp thi công xây dựng phải phân rõ đối tượng quản lý và đối tượng lao động. Tuy nhiên, khi văn bản được đưa vào thực thi thì xuất hiện một số vấn đề như sau:

Một là, hoạt động đào tạo bồi dưỡng lao động nhập cư còn yếu kém, thiếu tích cực. Sau

khi phân tách riêng biệt giữa quản lý và lao động, thì tổng thầu không quản lý việc sắp xếp lao động nữa, chính vì thế hoạt động của lao động nhập cư trong doanh nghiệp không có trình tự, không có quản lý, kết hợp với việc lao động không có trình độ, kỹ năng, dẫn đến hiệu suất làm việc thấp. Cũng có doanh nghiệp, để đảm bảo uy tín và chất lượng doanh nghiệp đã thành lập các trung tâm giáo dục dành riêng cho lao động nhập cư. Tuy nhiên, đó cũng chỉ mang tính “hình thức”, nhiều lao động nhập cư đến chỉ để ghi danh, lấy chứng chỉ, còn thực chất là không được qua đào tạo thực tế, không có trải nghiệm. Các công ty cung cấp lao động thì vì lợi ích trước mắt, giới thiệu được càng nhiều việc làm càng tốt, đã xem nhẹ việc đào tạo ngành nghề cho lao động nhập cư. Vì thế kỹ thuật cũng như chuyên môn về xây dựng của phần lớn lao động nhập cư gần như không có.

Mặt khác, mặc dù lao động nhập cư được đơn vị tổng thầu hoặc thầu phụ thuê, nhưng thực ra vẫn không phải là nhân viên chính thức thuộc quyền quản lý của một đơn vị nào, dù có ký hợp đồng nhưng giá trị cũng như quyền lợi không được đảm bảo tối đa.

Doanh nghiệp nên tạo điều kiện thị dân hóa cho những lao động nhập cư ưu tú

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Quản

lý lao động Trung Quốc cho thấy, số lượng người lao động làm trong các doanh nghiệp xây dựng ở Trung Quốc khoảng hơn 44 triệu, trong đó lao động nhập cư chiếm đến 80%, vào khoảng 35 triệu lao động. Trên thực tế, để thị dân hóa hết con số đó là điều rất khó, bởi vì tổ chất của lao động nhập cư yếu hơn nhiều so với những lao động là người dân gốc đô thị. Tuy nhiên, các doanh nghiệp có thể tạo điều kiện cho những lao động nhập cư có biểu hiện ưu tú trong công việc, điều này cũng tạo nên hiệu ứng tích cực làm việc trong doanh nghiệp.

Một ví dụ điển hình về chuyển hóa lao động trong doanh nghiệp là ở Tập đoàn Công trình xây dựng Trung Quốc, công ty có lịch sử thành lập hơn 50 năm với nhiều công trình xây dựng tầm cỡ trong và ngoài nước, được đánh giá là một trong 5 doanh nghiệp xây dựng lớn và uy tín nhất Trung Quốc, trên thế giới công ty cũng lọt vào top 100 doanh nghiệp xây dựng mạnh toàn cầu. Từ năm 2000, doanh nghiệp này đã xây dựng riêng một trường dạy nghề cho lao động nhập cư, đào tạo từ sơ cấp đến cao cấp, những lao động đạt đến trình độ cao cấp sẽ nhận được những đãi ngộ xứng đáng. Cách quản lý lao động giống như tạo ra một đòn bẩy trong quá trình đào tạo, từ tố chất đến kỹ năng của lao động đều được nâng cao, đồng thời khuyến khích mọi người chăm chỉ học tập. Khi thu nhập cao hơn, họ có thể mua được nhà ở đô thị, những phúc lợi xã hội về giáo dục, y tế... cũng được hưởng một cách công bằng hơn, dần dần từ lao động nhập cư họ chính thức trở thành công dân đô thị. Nếu như những công nhân kỹ thuật đều có cuộc sống ổn định ở thành phố, thì không chỉ đem lại sự ổn định trật tự cho xã hội, mà còn đem lại lợi ích không nhỏ cho các doanh nghiệp, chất lượng công trình được đảm bảo bởi đội ngũ nhân công có tay nghề và kinh nghiệm sẽ tạo dựng uy tín tốt cho doanh nghiệp.

Khi ngành công nghiệp xây dựng ngày càng phát triển, nhu cầu về nhà ở ngày càng cao, các dự án càng nhiều thì càng cần lượng nhân

công lao động lớn, các doanh nghiệp xây dựng thì liên tục kêu thiếu lao động, nhưng thực tế thì không phải thiếu lao động mà là thiếu lao động có kỹ thuật, có tay nghề. Để giải quyết bài toán này, Chính phủ cùng doanh nghiệp cần phải tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng lao động, công nhân, đặc biệt là đối với lao động nhập cư. Hiệu quả và lợi ích khi thực hiện kiến thức hóa cho lao động nhập cư đem lại chắc chắn sẽ không nhỏ.

Chính phủ hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng tham gia cổ phần hóa với các công ty cung cấp lao động

Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp xây dựng với công ty cung cấp lao động sẽ tạo dựng được niềm tin cho người lao động và người tuyển dụng, đồng thời trách nhiệm của các bên cũng được nâng cao lên, qua đó đảm bảo chất lượng lao động và quyền lợi của người lao động. Khi quan hệ hợp tác giữa hai bên được ổn định, thì những lo lắng về vấn đề quản lý lao động được giảm bớt, khi có sự cố xảy ra, việc giải quyết và xử lý cũng trở nên dễ dàng hơn, tránh trường hợp không quy trách nhiệm được cho bên nào, cuối cùng người chịu thiệt hại là người lao động.

Tuy nhiên vấn đề trách nhiệm giữa các bên và chế độ quản lý cần phải rõ ràng và hợp lý. Tính an toàn được các doanh nghiệp xây dựng rất chú trọng, do trong quá trình thi công sẽ có nhiều sự cố bất ngờ xảy ra, do vậy người lao động cần phải có kỹ năng và kinh nghiệm nhất định, không thể tránh khỏi việc sẽ có sự cố khi thi công, nhưng hạn chế một cách tối đa là điều cần thiết, để tránh những rắc rối xảy ra cho doanh nghiệp.

Khi hai bên hợp tác với nhau, doanh nghiệp sẽ bớt đi phần nào gánh nặng khi quản lý lao động, đồng thời trong quá trình hợp tác, các công ty cung cấp lao động sẽ giúp cho doanh nghiệp phân loại lao động hợp lý, do nắm rõ hồ sơ và kinh nghiệm làm việc của lao động. Giúp doanh nghiệp tính toán, lập dự toán cho chi phí lao động. Đảm bảo thời gian làm việc của lao

động, tránh trường hợp bỏ việc, gây ảnh hưởng đến tiến độ công trình của doanh nghiệp.

Giúp đỡ lao động nhập cư trở thành công nhân sản xuất

Số lượng lao động nhập cư chiếm đa số trên tổng số lượng công nhân trên các công trường xây dựng, điều đáng nói là đa số đều không qua trường lớp đào tạo nghề, học vấn thấp, ý thức tổ chức và xã hội kém, do đó khi được làm việc trong môi trường đòi hỏi tính tổ chức cao, đòi hỏi tính an toàn cao thì rất khó. Chính vì thế giúp đỡ lao động nhập cư trở thành công nhân sản xuất đúng nghĩa là điều cần thiết, và đó không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp mà của cả những nhà chức trách và Chính phủ.

Muốn thực hiện mục tiêu thị dân hóa đến năm 2020 mà Chính phủ Trung Quốc đưa ra, điều cần thiết là thay đổi chất lượng cuộc sống cũng như tố chất của lao động nhập cư. Quy mô của các doanh nghiệp đang ngày càng phát triển, cùng với việc đẩy mạnh tiến trình công

nh nghiệp hóa, hiện đại hóa trong toàn ngành xây dựng lực lượng lao động cần thiết sẽ ngày càng nhiều hơn, dù là trong sản xuất vật liệu xây dựng hay trên công trường thi công, thì những người công nhân cũng cần phải được đảm bảo quyền lợi, tính an toàn, vị trí trong công việc cũng như trong xã hội cần được cải thiện. Chính vì thế, giúp đỡ những người lao động nhập cư trở thành những công nhân sản xuất thực thụ, không chỉ giúp cải thiện cuộc sống và thu nhập cho họ, mà còn giúp xã hội ổn định và kinh tế phát triển bền vững, doanh nghiệp yên tâm sản xuất, tạo điều kiện ngày càng tốt cho người nông dân sớm trở thành công dân đô thị.

Trần Hoa Nguyễn

Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Công trình xây dựng Trung Quốc

Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng, số 6/2014

ND: Quỳnh Anh

Các yếu tố và sách lược trong quản lý rủi ro hạng mục thi công

So với các công trình khác, hạng mục thi công xây dựng tồn tại rất nhiều nhân tố không xác định. Những nhân tố này chắc chắn ở những mức độ khác nhau ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu của hạng mục, ví dụ như tiến độ bị kéo dài nghiêm trọng, chất lượng kém, mất kiểm soát chi phí, an toàn thi công không đảm bảo... Từ đó có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới chức năng sử dụng của công trình, thậm chí gây ra những tổn thất to lớn đối với tài sản và sinh mệnh người dân. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu quản lý rủi ro hạng mục thi công xây dựng tại Trung Quốc lại hết sức yếu kém, thực tiễn quản lý rủi ro luôn nằm trong “giai đoạn khởi đầu” và chỉ được ứng dụng thành công tại rất ít công trình quy mô lớn. Điều này hoàn toàn không phù hợp với địa vị một nước lớn về xây dựng, nơi có ngành công nghiệp trụ

cột là xây dựng như Trung Quốc và cũng không phù hợp với đặc tính của những công trình thi công có tính rủi ro. Vì vậy, nghiên cứu các sách lược quản lý rủi ro trong hạng mục thi công xây dựng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng.

I. Rủi ro trong hạng mục thi công xây dựng

1. Phân loại rủi ro

Rủi ro của hạng mục thi công xây dựng tức tính khả năng của mục tiêu hạng mục thi công xây dựng không được thực hiện. Căn cứ theo sự khác nhau của nguồn gốc rủi ro, rủi ro hạng mục thi công xây dựng có thể phân thành mấy loại sau: 1) Rủi ro chính trị; 2) Rủi ro tự nhiên; 3) Rủi ro kinh tế; 4) Rủi ro kỹ thuật; 5) Rủi ro phi kỹ thuật.

2. Đặc tính rủi ro

Rủi ro của hạng mục xây dựng có các đặc tính như tính khách quan, tính tương đối, tính

không xác định, có thể dự kiến, có thể khống chế, có thể thay đổi... Tuy nhiên, rủi ro có thể dự kiến, có thể kiểm soát nếu tìm hiểu kỹ lưỡng về các nhân tố liên quan tới những rủi ro cụ thể, đồng thời kiểm soát chúng có hiệu quả thì có thể giảm tỷ lệ phát sinh rủi ro, giảm những tổn thất do rủi ro mang tới. Ngoài ra, tính chất và hậu quả của rủi ro còn có thể thay đổi trong điều kiện nhất định.

II. Những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý rủi ro hạng mục thi công

1. Ý thức quản lý rủi ro lạc hậu

Do tính cạnh tranh tàn khốc trong thị trường xây dựng và lợi nhuận nhỏ từ các hạng mục thi công xây dựng, khi đấu thầu thi công và khi giám đốc hạng mục ký kết mục tiêu kinh tế với doanh nghiệp đa số đều không dự toán các chi phí quản lý rủi ro, luôn luôn chọn sách lược “đánh cược” đối với những rủi ro có thể phát sinh. Ngoài ra, trong quá trình đấu thầu thi công và thi công đều tiến hành quản lý rủi ro với mức độ và hình thức khác nhau nhưng chỉ là ứng phó một cách miễn cưỡng hoặc là tùy cơ ứng biến do đó khi phát sinh rủi ro, tổn thất gây ra lại càng lớn, thậm chí gây thất bại cho hạng mục.

2. Thiếu kiến thức quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro được nghiên cứu và ứng dụng bắt đầu từ cuối những năm 1980. Với thời gian phát triển ngắn, những kiến thức về quản lý rủi ro trong hạng mục thi công xây dựng chưa được phổ cập. Thêm vào đó, do chưa thiết lập vị trí chuyên quản lý rủi ro hạng mục và bố trí nhân viên quản lý chuyên ngành cho nên đa số dựa vào trực giác, kinh nghiệm thay vì các biện pháp ứng phó có hệ thống, sự đánh giá toàn diện và sự xác định rủi ro hiệu quả trước các rủi ro tiềm tàng.

3. Luật, quy định pháp luật và chính sách không đồng bộ

Tại các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản hay các khu vực phát triển như đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, việc nghiên cứu và ứng dụng quản lý rủi ro cho công trình đã có

lịch sử khá lâu. Một hệ thống các quy định pháp luật và chế độ quản lý rủi ro công trình đã được hình thành sau quãng thời gian nghiên cứu lâu dài và tích lũy từ thực tiễn không những khá kiện toàn mà còn thiết lập nên một chế độ đảm bảo và bảo hiểm công trình khá hoàn thiện đồng thời được vận hành tốt, phát huy tác dụng quan trọng trong việc quy phạm thị trường và giảm tổn thất do rủi ro.

4. Tiêu chuẩn quản lý rủi ro chưa kiện toàn

Từ năm 2000 trở lại đây, Trung Quốc đã biên soạn nhiều tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn quốc gia về quản lý rủi ro. Các tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc như “Quản lý rủi ro hạng mục - Chỉ dẫn ứng dụng”, mã số GB/T 20032-2005; “Nguyên tắc quản lý rủi ro và hướng dẫn thực thi”, mã số GB/T24353-2009; “Quy phạm quản lý rủi ro xây dựng công trình giao thông đường sắt ngầm thành phố”, mã số GB50652-2011. Các tiêu chuẩn ngành như “Hướng dẫn kỹ thuật đánh giá rủi ro môi trường công trình xây dựng”, mã số HJ/T 169-2004; “Gợi ý các biện pháp phân biệt nguy hại, đánh giá rủi ro và kiểm soát rủi ro”, mã số SY/T 6631-2005. “Quy phạm quản lý hạng mục xây dựng” (GB/T50326-2006) cũng đưa ra những quy định mang tính nguyên tắc đối với công tác quản lý rủi ro. Những tiêu chuẩn này đã phát huy vai trò tích cực trong việc quy phạm nội dung, phương pháp và lưu trình quản lý rủi ro hạng mục thi công công trình tại Trung Quốc, đồng thời thống nhất việc thực thi kỹ thuật, tiêu chuẩn thi hành trong quản lý rủi ro, tránh hoặc làm giảm tổn thất do rủi ro mang tới trong quá trình xây dựng. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu những tiêu chuẩn quản lý rủi ro và tiêu chuẩn, quy tắc thực thi mang tính chỉ đạo. Do đó, khó thao tác và không thể phát huy tác dụng quản lý rủi ro quy phạm trong thực tiễn.

III. Các biện pháp tăng cường quản lý rủi ro hạng mục

Hiện tại, Trung Quốc đã thực thi hiệu quả việc quản lý rủi ro hạng mục thi công xây dựng,

vẫn còn rất nhiều công việc phải làm. Xem xét từ góc độ doanh nghiệp xây dựng, các doanh nghiệp vừa cần sự chuyển biến nhận thức tư tưởng của chủ đầu tư và các bên có liên quan, đặc biệt là cơ quan chủ quản Chính phủ cũng vừa chờ đợi sự hoàn thiện trong các tiêu chuẩn, quy định pháp luật có liên quan. Trong giai đoạn hiện nay, các doanh nghiệp xây dựng có thể tăng cường công tác quản lý rủi ro trong thi công xây dựng từ những phương diện dưới đây.

1. Chuyển biến quan niệm quản lý rủi ro

Chuyển biến quan niệm quản lý rủi ro là tiền đề cơ bản tăng cường quản lý rủi ro hạng mục thi công xây dựng. Một là, nhận thức sâu sắc được tính phổ biến và tính nghiêm trọng của tổn thất do rủi ro, từ đó nhận thức được tính quan trọng của quản lý rủi ro. Hai là, nhận thức đầy đủ rằng quản lý rủi ro là một môn khoa học cực kỳ phức tạp, chuyển biến quan niệm quản lý tức là cần dựa vào kinh nghiệm.

2. Hoàn thiện hệ thống chế độ chính sách quản lý rủi ro

Hoàn thiện hệ thống chế độ quản lý rủi ro là yêu cầu tất yếu tăng cường quản lý rủi ro hạng mục thi công xây dựng. Công tác quản lý rủi ro là một hoạt động quản lý phức tạp, phải dựa vào sự quản lý chế độ hóa. Doanh nghiệp xây dựng cần từng bước xây dựng hệ thống chế độ quản lý rủi ro, tiến hành thiết kế có hệ thống đối với chức trách, phạm vi, trình tự, chiều sâu...

trong quản lý rủi ro để công tác quản lý rủi ro được thực thi hiệu quả.

3. Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý

Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý rủi ro là cơ sở quan trọng tăng cường quản lý rủi ro. Quản lý rủi ro cũng là một hoạt động quản lý, không thể tách rời tổ chức quản lý cụ thể. Hệ thống tổ chức quản lý rủi ro cần hoạt động tuân theo các nguyên tắc thống nhất.

4. Tăng cường đào tạo kiến thức quản lý rủi ro

Triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức quản lý đối với các nhân viên tham gia hạng mục xây dựng là biện pháp quan trọng tăng cường quản lý rủi ro. Thông qua các hình thức tiến hành đào tạo kiến thức cho nhân viên, đặc biệt là nhân viên quản lý là hết sức cần thiết.

IV. Kết luận

Các doanh nghiệp xây dựng tăng cường quản lý rủi ro hạng mục thi công chủ yếu nên bắt đầu từ những phương diện như chuyển biến quan niệm quản lý rủi ro, hoàn thiện hệ thống chế độ quản lý rủi ro, kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và tăng cường đào tạo kiến thức quản lý rủi ro...

Hồ Hưng Phúc

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc
Trung Quốc, số 8/2014*

ND: Kim Nhạn

Thực trạng và triển vọng phát triển công trình xanh đô thị tại Trung Quốc

Công trình xanh là gì? Lợi ích của công trình xanh đối với đời sống kinh tế và xã hội là gì? Tác giả bài viết đã có cuộc phỏng vấn với Phó Vụ trưởng Hàn Ái Hưng - Vụ Công nghệ và Tiết kiệm năng lượng xây dựng của Bộ nhà ở, Xây dựng ô thị và Nông thôn Trung Quốc. Theo nội dung Quy hoạch đô thị quốc gia 2014 - 2020, mục tiêu đề ra là công trình xanh sẽ phải chiếm

đa số các công trình xây mới, từ 2% trong năm 2014 nâng lên thành 50% đến năm 2020.

I. Hơn 95% các tòa nhà hiện nay có mức tiêu thụ năng lượng cao

Thực trạng hiện nay là phần lớn các công trường xây dựng đều sử dụng nước ngầm và thải trực tiếp vào hệ thống đường ống nước thải, nhiều nhà ở không sử dụng thiết bị chắn nắng

bên ngoài cho cửa sổ, nhiều văn phòng làm việc vẫn để điện chiếu sáng 24/24... những cảnh sinh hoạt hằng ngày chính là hình ảnh thu nhỏ thực trạng tiêu thụ năng lượng của ngành xây dựng ở Trung Quốc.

Ngành Xây dựng có mức tiêu thụ năng lượng lớn tại Trung Quốc, chiếm 30% mức tiêu thụ năng lượng của toàn xã hội. Hơn 95% các tòa nhà hiện nay có mức tiêu thụ năng lượng cao, thậm chí cao hơn rất nhiều so với các nước tiên tiến. Lấy vấn đề cấp nhiệt làm ví dụ, mức tiêu thụ năng lượng dùng cho mỗi một lần cấp nhiệt tập trung ở Trung Quốc là 20 kg than tiêu chuẩn/ m². Mức này là quá cao, thậm chí còn cao gấp đôi so với các nước châu Âu, trong khi đó mức tiêu thụ năng lượng cho mỗi một lần cấp nhiệt tập trung ở các nước châu Âu còn bao gồm cả làm mát vào mùa hè và cấp nước nóng cho người dân trong cả 4 mùa.

Theo Phó Vụ trưởng Hàn Ái Hưng, công trình xanh là tuổi thọ của toàn bộ tòa nhà, nó sẽ giúp tiết kiệm nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm ô nhiễm ở mức cao nhất, mang đến sức khỏe cho người sử dụng, mang lại không gian sử dụng phù hợp và hiệu quả, hài hòa với thiên nhiên. Cho dù năm 2013 Chính phủ có đưa ra “Kế hoạch thực hiện công trình xanh” hay trong năm 2014 đưa ra “Quy hoạch đô thị quốc gia 2014 - 2020”, thì mục tiêu vẫn là nâng cao tỷ lệ công trình xanh trong đô thị.

Để chuẩn hóa việc đánh giá các công trình xanh, trong năm 2006, lần đầu tiên Trung Quốc đã ban hành tiêu chuẩn quốc gia “Tiêu chuẩn đánh giá Công trình xanh”. Theo đó, hệ thống chỉ tiêu đánh giá công trình xanh bao gồm 6 loại chỉ tiêu về đất và môi trường ngoài trời, tiết kiệm năng lượng và tận dụng nguồn năng lượng, tiết kiệm nước và tận dụng nguồn tài nguyên nước, tiết kiệm vật liệu và tận dụng nguồn vật liệu, chất lượng môi trường trong nhà và quản lý vận hành. Mỗi loại chỉ tiêu lại bao gồm hạng mục kiểm soát, hạng mục thông thường và hạng mục ưu tiên. Công trình xanh được phân thành

3 cấp, càng đáp ứng nhiều hạng mục thì càng được đánh giá cao.

II. Công trình xanh không phải là công trình xây dựng đòi hỏi chi phí cao

Trong gần 5 năm qua, tốc độ phát triển công trình xanh ở Trung Quốc ngày một tăng. Tính đến ngày 31/12/2013, Trung Quốc đã có 1.446 dự án được đánh giá, với tổng diện tích xây dựng khoảng 163 triệu m². Chỉ riêng năm 2013, số lượng công trình được đánh giá đã tăng 81% so với năm 2012, diện tích tăng 1,12 lần. Dự tính đến cuối năm 2015, 20% các tòa nhà xây mới sẽ đạt tiêu chuẩn công trình xanh.

Phó Vụ trưởng Hàn cũng nói thêm, công trình xanh không phải là toà kiến trúc toàn màu xanh. Trên thực tế, nói tới công trình xanh là nói tới các khía cạnh như: tiết kiệm nước, tiết kiệm diện tích đất sử dụng, tiết kiệm vật liệu xây dựng, bảo vệ môi trường... từ khâu thiết kế đến khâu vận hành đều phải nghiêm chỉnh chấp hành các tiêu chuẩn về tiêu thụ năng lượng, làm sao để lượng cacbon thải ra môi trường ở mức thấp nhất, mang lại một cuộc sống trong lành và khỏe mạnh cho người dân.

Theo báo cáo, căn cứ vào những tiêu chuẩn quốc gia hiện nay, so sánh với những khu nhà ở phổ thông, xây dựng khu dân cư xanh nhất thiết phải đáp ứng các điều kiện sau: Tỷ lệ phủ xanh toàn khu dân cư không được thấp hơn 30%; diện tích phủ xanh khu công cộng tính trên bình quân đầu người không được thấp hơn 1 m²; tỷ lệ tiết kiệm nước không dưới 8%, đối với những cảnh quan cần phải sử dụng đến nước, không được sử dụng vào hệ thống cấp nước và hệ thống nước ngầm trong đô thị; các mô hình kiến trúc cần đơn giản, không thiết kế trang trí quá nhiều; trang bị các thùng đựng rác có nắp đậy, đồng thời có các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường...

Mặc dù các tiêu chuẩn điều kiện đưa ra rất nhiều và yêu cầu cao, nhưng quá trình xây dựng công trình xanh không quá tốn kém. Tuy nhiên, một bộ phận người dân vẫn còn nhận

thức sai lệch về vấn đề này. Họ cho rằng công trình xanh là các toà nhà có tính công nghệ cao. Trên thực tế, công trình xanh không phải là những công trình có mức đầu tư lớn, mà ngược lại. Phó Vụ trưởng Hàn Ái Hưng còn dựa vào kết quả “Nghiên cứu đánh giá công trình xanh” của Bộ Nhà ở, Xây dựng Đô thị và Nông thôn để làm rõ thêm, đối với các dự án nhà ở thuộc 1 sao, 2 sao và 3 sao, chi phí cho mỗi m² công trình xanh lần lượt tăng theo thứ tự là 33 nhân dân tệ (NDT), 73 NDT, 222 NDT.

III. Bắt đầu từ năm 2014, Chính phủ Trung Quốc sẽ đầu tư xây dựng công trình xanh

Theo Phó Vụ trưởng Hàn, để đảm bảo thực hiện mục tiêu 50%, đòi hỏi phải có một quá trình không ngừng học hỏi, thích nghi, nâng cao và cuối cùng là thực hiện mục tiêu.

Căn cứ vào yêu cầu “Kế hoạch thực hiện công trình xanh” và “Kế hoạch 5 năm lần thứ XII về việc Quy hoạch phát triển khu đô thị xanh và xây dựng công trình xanh”, bắt đầu từ năm 2014, Chính phủ sẽ đầu tư cho các công trình thuộc cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo tàng, bảo tàng khoa học, sân vận động... Các thành phố trực thuộc Trung ương, những đô thị đơn nguyên, khu nhà ở giá rẻ thuộc thủ phủ các tỉnh và đô thị, những sân bay có diện tích xây dựng trên 20 nghìn m², nhà ga, khách sạn, nhà hàng, trung tâm mua sắm, cao ốc văn phòng... và các toà nhà công cộng lớn khác, đều phải nghiêm chỉnh chấp hành thực hiện tiêu chuẩn xây dựng công trình xanh. Điều này có nghĩa rằng, trong năm nay, nếu các thành phố vừa và lớn không chấp hành chủ trương đề ra sẽ không được cấp phép xây dựng.

Đồng thời, nhà nước cũng tăng cường các chính sách ưu đãi nhằm khích lệ thực hiện xây dựng công trình xanh. Đối với những khu vực có công trình xây mới thuộc công trình xanh và được khởi công trong 2 năm trở lại, có diện tích xây dựng trên 2 triệu m², nhà nước sẽ hỗ trợ 50 triệu NDT và được mang tên công trình xanh.

Đối với những công trình xanh cao cấp đạt từ

2 sao trở lên, chính quyền Trung ương sẽ trực tiếp hỗ trợ, trong đó, với mỗi m² là công trình 3 sao sẽ được hỗ trợ 80 NDT, mỗi m² công trình 2 sao được hỗ trợ 45 NDT. Ngoài ra, nhiều tỉnh tùy thuộc vào điều kiện tài chính trong khu vực, cũng xây dựng tiêu chuẩn hỗ trợ ưu đãi phù hợp.

Để thực hiện mục tiêu, ngành công nghiệp hoá đóng vai trò rất quan trọng. Công nghiệp hoá xây dựng là dựa vào tiêu chuẩn thiết kế, sản xuất công nghiệp hoá, xây dựng chế tạo và quản lý thông tin... nhiều phương pháp khác để xây dựng, sử dụng và quản lý. Theo ước tính, so với phương thức truyền thống, công nghiệp hoá xây dựng có thể giảm hơn 60% lượng nước sử dụng cho xây dựng, giảm gần 80% vật liệu gỗ, giảm lãng phí vật liệu xây dựng tới 20%, 80% rác thải xây dựng, thời gian thi công có thể được rút ngắn từ 30% - 70%.

Phó Vụ trưởng cũng nói thêm rằng, trở ngại lớn hiện nay trong việc thúc đẩy xây dựng công trình xanh vẫn là vấn đề nhận thức và năng lực của doanh nghiệp. Một số nhà phát triển, đặc biệt là những doanh nghiệp xây dựng thuộc đô thị loại 2 và 3, không muốn đầu tư vào và cũng không có năng lực kỹ thuật tương ứng. Trong thực tế, xây dựng công trình xanh và hiệu quả kinh tế không hề mâu thuẫn với nhau. Theo nghiên cứu, thông thường xây dựng công trình xanh, chỉ cần trong khoảng từ 5 - 10 năm là có thể thu hồi các chi phí gia tăng, nếu kết hợp với khoản hỗ trợ của nhà nước, thời gian thu hồi càng nhanh hơn. Các doanh nghiệp cần nhận thức rõ, xây dựng công trình xanh là cuộc cách mạng sâu đối với ngành Xây dựng, ngoài ra hiệu quả kinh tế mà công trình xanh mang lại còn cao hơn rất nhiều so với xây dựng thông thường trước đây và còn bảo vệ được giá trị của các toà nhà.

Lục Á Nam - Báo Nhân dân (14/4/2014)

Nguồn: <http://www.newscn.com>

ND: Bích Ngọc

HỘI THẢO “QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG AMIANG TRẮNG TRONG SẢN XUẤT TẤM LỢP Ở VIỆT NAM”

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2014



Thủ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo